UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5503-000006 đăng ký lần đầu ngày 02/4/2003, đăng ký thay đổi lần 7 số 1300358260 ngày 08/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...../GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ..... tháng ..... năm 2011)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

§ **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**

Trụ sở : 457C Nguyễn Đình Chiểu, P. 8, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

§ **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Trụ sở : 14 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Chi nhánh : 225 Bến Chương Dương, Quận I, TP.Hồ Chí Minh

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Bà Lê Xuân Hoàng – Kế toán trưởng

Trụ sở : 457C Nguyễn Đình Chiểu, P.8, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Điện thoại : (075) 3815 427 Fax: (075) 3827 287

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5503-000006 đăng ký lần đầu ngày 02/4/2003, đăng ký thay đổi lần 7 số 1300358260 ngày 08/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu : DHC

Loại Cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng /cổ phiếu

Giá phát hành : 10.000 đồng / cổ phiếu

Tổng số lượng phát hành : 4.499.972 cổ phiếu

(Bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi hai cổ phiếu)

Tổng giá trị phát hành *(theo mệnh giá)* : 44.999.720.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV (WOORI CBV)

Trụ sở : Số 14 Trần Bình Trọng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 39306310 - Fax: (84-4) 39410248

Chi nhánh : 225 Bến Chương Dương, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 39204339 Fax: (84-8) 39204349

Website : www.wooricbv.com

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Trụ sở : 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 3820 5944 - Fax: (84-8) 3820 5942

Website : www.aascs.com.vn

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 5

1. **Rủi ro về kinh tế** 5
2. **Rủi ro về luật pháp** 5
3. **Rủi ro đặc thù** 5
4. **Rủi ro của đợt chào bán** 7
5. **Rủi ro pha loãng cổ phiếu** 8
6. **Rủi ro khác** 8

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 9

1. **Tổ chức phát hành** 9
2. **Tổ chức tư vấn** 9

III. CÁC KHÁI NIỆM 9

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 13

1. **Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển** 13
2. **Cơ cấu tổ chức** 15
3. **Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty** 17
4. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông** 20
5. **Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành** 21
6. **Hoạt động kinh doanh** 23
7. **Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh** 47
8. **Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác** 50
9. **Chính sách với người lao động** 52
10. **Chính sách cổ tức** 55
11. **Tình hình tài chính** 55
12. **Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng** 59
13. **Tài sản** 73

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 74
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 77
16. Thông tin và những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty 77
17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty có thể gây ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết 77
V. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN **78**
1. Loại chứng khoán: 78
2. Mệnh giá: 78
3. Tổng số chứng khoán chào bán 78
4. Giá dự kiến chào bán 78
5. Phương pháp tính giá 78
6. Phương thức phân phối 78
7. Thời gian phân phối 79
8. Đăng ký mua cổ phiếu 79
9. Phương thức thực hiện quyền 80
10. Nguyên tắc làm tròn cổ phiếu lẻ 81
11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 81
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng 82
13. Các loại thuế có liên quan 82
14. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 83
VI. MỤC ĐÍCH CỦA ĐỢT PHÁT HÀNH **83**
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH **84**
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC PHÁT HÀNH **84**
1. Tổ chức tư vấn 84
2. Tổ chức kiểm toán 84
IX. PHỤ LỤC **85**

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (Dohaco) là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre (Beseaco) vì vậy sẽ tiến hành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre trong báo cáo tài chính của Công ty. Những yếu tố tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Beseaco cũng đều trực tiếp tác động đến hoạt động của Công ty.

1. Rủi ro về kinh tế

Sự tăng trưởng và phát triển của ngành công nghiệp giấy, bao bì và thủy sản chịu ảnh hưởng lớn từ sự phát triển của nền kinh tế. Mọi sự biến động của nền kinh tế được biểu hiện chủ yếu qua các chỉ tiêu như: tốc độ tăng trưởng (GDP), lạm phát (CPI), vấn đề lãi suất, tỷ giá Việt Nam đồng… đều tác động trực tiếp lên nhu cầu tiêu thụ, chi phí nguyên liệu đầu vào, chi phí hoạt động, chi phí lãi vay của các doanh nghiệp trong đó có Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (Dohaco) và Công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre (Beseaco)… Điều này sẽ quyết định đến định hướng và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi một hệ thống luật: Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán; Luật thương mại…, hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn còn thiếu sự minh bạch và chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Trong thời gian tới khi Việt Nam tiếp tục hội nhập sâu rộng vào kinh tế toàn cầu, hệ thống pháp luật này tiếp tục được điều chỉnh vì vậy bất cứ sự điều chỉnh nào cũng tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, sản phẩm thủy sản của Công ty Beseaco được xuất khẩu chủ yếu qua các thị trường nước ngoài, mỗi thị trường xuất khẩu sẽ có nhưng quy định, pháp chế đặc thù mà nếu không tìm hiểu kỹ sẽ ảnh hưởng đến tình hình xuất khẩu, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro về nguyên vật liệu sản xuất

a. Nguyên liệu sản suất giấy

Nguồn nguyên liệu chính để sản xuất các sản phẩm giấy của Công ty hiện nay là giấy vụn tái chế (chiếm trên 90%) được thu mua chủ yếu trong nước và một phần từ nhập khẩu (chủ yếu từ các nước như Singapore, Eu, Úc, Nhật Bản,…). Do đó, những biến động về giá nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất và khả năng sinh lời của Công

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

ty. Đây là một trong những nhân tố rủi ro ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhằm hạn chế rủi ro, hiện nay Công ty đã thiết lập hệ thống các trạm thu mua giấy vụn ở nhiều nơi để chủ động thu gom nguồn nguyên liệu trong nước kết hợp việc nhập khẩu dự trữ bổ sung để đảm bảo nhu cầu nguyên liệu sản xuất được ổn định liên tục, đồng thời thường xuyên cải tiến quy trình sản xuất, máy móc thiết bị, thực hiện chính sách tiết kiệm và chống lãng phí nguyên vật liệu.

b. Nguyên liệu thủy sản đông lạnh của Công ty Beseaco

Sản phẩm thủy sản đông lạnh của Beseaco là nghêu và cá tra xuất khẩu. Hiện nay, đối với sản phẩm cá tra, Công ty đã hoàn toàn chủ động trong quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, từ khâu con giống đến nuôi trồng chế biến và xuất khẩu. Tuy nhiên, rủi ro mà Công ty có thể gặp phải là sự biến động của thời tiết khí hậu và chất lượng con giống sẽ ảnh hưởng đến tỷ lệ sống của con giống.

Đối với sản phẩm nghêu thì nguyên liệu chế biến hoàn toàn mua ngoài. Tuy nhiên, Beseaco luôn tuân thủ quy trình thu mua nghiêm ngặt từ việc lựa chọn đối tác thu mua cho đến việc đánh giá chất lượng nguồn nguyên liệu mà Công ty đã đề ra nhằm đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu vào giúp ổn định chất lượng sản phẩm đầu ra. Hiện nay, Beseaco đã có kế hoạch liên kết phát triển vùng nguyên liệu và tổ chức chế biến nghêu ở khu vực miền Bắc nhằm giúp Beseaco có thể chủ động bổ sung nguồn nguyên liệu ổn định liên tục đảm bảo khả năng cung cấp và chất lượng sản phẩm của Công ty đến với thị trường - khách hàng truyền thống và những khách hàng tiềm năng.

3.2 Rủi ro về môi trường

Do đặc thù của ngành, hoạt động sản xuất của Công ty sử dụng nhiều hóa chất và chất xúc tác gây tác động đến môi trường xung quanh. Với việc đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường về sản phẩm giấy thì hoạt động sản xuất của Công ty ngày càng được mở rộng kéo theo vấn đề xử lý nước thải ra môi trường được đặt ra ở mức độ cao hơn. Nếu quá trình xử lý chất thải không đảm bảo sẽ ảnh hưởng đến hình ảnh và hoạt động chung của Công ty.

Cùng với việc đầu tư xây dựng mới Nhà máy giấy Giao Long, Công ty cũng đã đầu tư các công trình xử lý nước thải, khí thải, bụi… hiện đại, đảm bảo xử lý nước thải ra môi trường thoả mãn các qui chuẩn pháp luật Việt Nam. Đối với lĩnh vực nuôi trồng – chế biến thủy sản, rủi ro ô nhiễm nguồn nước do số đơn vị và hộ nuôi gia tăng nhanh chóng trong khi môi trường nước không được cải tạo, khắc phục là có thể xảy ra. Trong trường hợp đó, hoạt động nuôi trồng chế biến thủy sản của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng đáng kể.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

3.3 Rủi ro đặc thù của ngành chế biến thủy sản xuất khẩu

Sản phẩm thủy sản chế biến đông lạnh chịu tác động khắc khe về vệ sinh và an toàn chất lượng. Hiện nay, toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm của Công ty được thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu của những thị trường nhập khẩu. Tuy nhiên, nếu có sự thay đổi về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của các thị trường tiêu thụ sẽ dẫn đến sự xáo trộn trong sản xuất và tăng thêm chi phí của Công ty.

Cũng như các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu thủy sản, Công ty luôn có những phòng ngừa rủi ro đối với sản phẩm của mình trong quá trình vận chuyển hàng hóa tới người tiêu dùng. Những rủi ro có thể xảy ra như vận chuyển chậm làm hư hỏng sản phẩm, quy cách chưa đáp ứng yêu cầu, loại sản phẩm chưa phù hợp, sản phẩm có thể bị trả lại hoặc phải bán giảm giá. Điều đó có thể tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.4 Rủi ro về tỷ giá

Đối với Beseaco, doanh thu chủ yếu là từ hoạt động xuất khẩu nên sự thay đổi về tỷ giá có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Beseaco. Trong thời gian gần đây, tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ có xu hướng tăng, đã ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu của Công ty. Do vậy, để hạn chế phòng ngừa rủi ro do biến động của tỷ giá đồng đô la Mỹ, Công ty đang cố gắng đa dạng hóa đồng tiền thanh toán, không chỉ dựa duy nhất vào đô la Mỹ khi thực hiện ký kết hợp đồng xuất khẩu.

4 Rủi ro của đợt chào bán

Sáu tháng đầu năm 2010, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục diễn biến khá phức tạp và chưa thực sự ổn định. Những thông tin bất lợi từ nền kinh tế vĩ mô đã tác động đến thị trường chứng khoán, bất chấp những cố gắng bình ổn từ phía các cơ quan chức năng. Sự sụt giảm mạnh của thị trường chứng khoán đã khiến cho thị giá của các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán giảm mạnh và có rất nhiều cổ phiếu giảm xuống dưới mệnh giá, giá cả nhiều loại cổ phiếu đã không phản ánh đúng giá trị thực.

Hiện tại, thị giá cổ phiếu của Công ty đang ở dưới mệnh giá và thấp hơn giá phát hành, nếu trong trường hợp thị trường vẫn tiếp tục xu hướng giảm mạnh cho đến thời điểm Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng, đây là một thách thức lớn cho đợt phát hành của Công ty, vì cổ đông sẽ không thực hiện quyền mua khi giá phát hành cao hơn thị giá.

Bên cạnh đó đợt chào bán cổ phiếu của Công ty không có cam kết bảo lãnh phát hành nên đợt chào bán có thể không thành công. Trong trường hợp này, mục tiêu huy động vốn của Công ty sẽ gặp khó khăn và ảnh hưởng đến tiến độ sử dụng vốn của Công ty.

Hơn thế nữa, tâm lý nhà đầu tư cũng là một yếu tố gây rủi ro lớn cho đợt phát hành. Trong tình hình thị trường hiện nay, nhiều cổ phiếu tốt nhưng thị giá thấp hơn mệnh giá, đây là cơ hội để nhà đầu tư cơ cấu lại danh mục đầu tư của mình. Các nhà đầu tư có thể không mua cổ phiếu Công ty trong đợt phát hành này. Đứng trước sự cạnh tranh của nhiều cổ phiếu niêm yết, sự lựa chọn của nhà đầu tư là một yếu tố khá rủi ro với đợt phát hành của Công ty.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2011 ngày 31/3/2011, trong trường hợp cổ phiếu chào bán chưa được phân phối hết, Hội đồng quản trị sẽ chủ động phân phối số cổ phiếu này cho các đối tác tiềm năng của Công ty với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã duy trì được mối quan hệ tín dụng tốt với ngân hàng. Do vậy, trong trường hợp thiếu hụt số vốn cần thiết, Công ty sẽ có giải pháp vay ngân hàng để đảm bảo đủ vốn cần thiết.

5 Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Sau khi Công ty phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty sẽ tăng lên so với số cổ phiếu hiện hành dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra 3 ảnh hưởng :

- EPS có thể bị suy giảm do thu nhập được chia cho một số lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên, EPS thực tế có giảm hay không còn phụ thuộc vào hiệu quả sử dụng số tiền Công ty thu được từ đợt phát hành để bổ sung cho các kế hoạch kinh doanh.
- Giá trị sổ sách trên từng cổ phần có thể sẽ bị ảnh hưởng khi Công ty phát hành thêm cổ phiếu do số số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên.
- Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường Dohaco sẽ được SGDCK Tp.HCM điều chỉnh theo công thức như sau :

$$\text{Giá tham chiếu tại ngày GD không hưởng quyền} = \frac{(\text{Giá đóng cửa trước ngày GD không hưởng quyền} * \text{khối lượng CP đang lưu hành}) + (\text{Giá chào bán dự kiến} * \text{khối lượng phát hành})}{\text{Tổng khối lượng cổ phiếu sau phát hành}}$$

Ví dụ:

10.300 đồng là giá đóng cửa trước ngày GD không hưởng quyền.

14.999.908 là khối lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại.

10.000 là giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

4.499.972 là khối lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Khi đó giá cổ phiếu bị pha loãng từ 11.000 đồng/cp giảm xuống 10.700 đồng/cp.

$$\frac{10.300 * 14.999.908 + 10.000 * 4.499.972}{19.499.880} = 10.200$$

6 Rủi ro khác

Một số rủi ro khác mang tính chất bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty như rủi ro về hỏa hoạn, bão lụt, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo …

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Ông	Đoàn Văn Đạo	Chức vụ	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
Ông	Lư Sanh Võ	Chức vụ	Trưởng Ban kiểm soát.
Bà	Lê Xuân Hoàng	Chức vụ	Kế toán trưởng.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoáng Woori CBV

Ông	Vũ Đức Nghĩa	Chức vụ	Tổng Giám đốc.

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ xin phép chào bán chứng khoán ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV tham gia tư vấn và lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Công ty	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Tổ chức tư vấn phát hành	Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV
Công ty kiểm toán	Là tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Thủy sản Bến Tre	Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre
Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

	giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán
Điều lệ	Điều lệ của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua
Vốn điều lệ	Số vốn cho tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
Cổ đông	Các chủ sở hữu là cá nhân hoặc tổ chức nắm giữ cổ phần của Công ty
Sổ cổ đông	Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre phát hành nhằm xác nhận quyền sở hữu phần vốn góp trong Công ty
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính
Đại hội đồng cổ đông	Là Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Hội đồng quản trị	Là Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Ban kiểm soát	Là Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Ban Giám đốc	Là Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Người có liên quan	Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

nhân;

- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền quyết;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, các Phó Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Công ty mẹ, Công ty con;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
BKS	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BHXH	Bảo hiểm xã hội
CB-CNV	Cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
WOORI CBV	Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

DOHACO	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
BESEACO	Công ty Cổ phần Thủy Sản Bến Tre
ĐBSCL	Đông bằng sông Cửu Long
HACCP	Là những nguyên tắc được sử dụng trong việc thiết lập hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (Hazard Analysis and Critical Control Points)
SSOP	Là quy trình làm vệ sinh và thủ tục kiểm soát vệ sinh (Sanitation Standard Operating Procedures)
MSC	Hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc nghêu sinh thái ,do hội đồng biển thế giới chứng nhận.
ISO 9001-2008	Hệ thống quản lý và kiểm soát các nguyên tắc hoạt động công ty
ISO 9001-14001	Hệ thống quản lý và kiểm soát môi trường trong hoạt động sản xuất các nhà máy
GAP	Hệ thống quản lý và kiểm soát nuôi trồng thủy sản

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán số: 14/2007/NĐ-CP ban hành ngày 19 tháng 01 năm 2007 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Lịch sử hình thành

Công ty được thành lập vào năm 1994 dưới hình thức là công ty nhà nước. Khi mới thành lập, Công ty có quy mô hoạt động khá nhỏ với vốn kinh doanh ban đầu là 80 triệu đồng và tổng số nhân sự là 14 người.

Cuối năm 2002, tổng số nhân sự của Công ty tăng lên 54 người và vốn kinh doanh được tăng lên 1,2 tỷ đồng. Đến đầu tháng 4/2003, Công ty chính thức chuyển đổi hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 4 tỷ đồng, theo Quyết định số 4278/QĐ-UB ngày 25/12/2002 của UBND Tỉnh Bến Tre.

Năm 2008 Công ty trở thành công ty đại chúng.

Năm 2009 Công ty chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM – HOSE với mã chứng khoán là DHC, khối lượng niêm yết là 8 triệu cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty kể từ khi chuyển đổi đến nay liên tục tăng trưởng. Doanh thu của Công ty năm 2004 đến năm 2007 tăng từ 21 tỷ đồng lên 58 tỷ đồng, đạt tỷ lệ bình quân 44%/năm. Tăng lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2004 đến 2007 tăng từ 1,5 tỷ đồng lên 6,7 tỷ đồng và tỷ lệ tăng bình quân là 79%/năm. Cùng với sự phát triển của Công ty, vốn điều lệ của Công ty liên tục thay đổi theo thời gian như sau:

THỜI GIAN	VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)	GIÁ TRỊ TĂNG	PHƯƠNG THỨC	GHI CHÚ
4/2003	4.000		Vốn góp ban đầu thành lập	Chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước
6/2004	6.000	2.000	Chào bán riêng lẻ	Căn cứ theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 05/3/2004 và Nghị quyết HĐQT số 04 ngày 20/3/2004
6/2006	12.000	6.000	Chào bán riêng lẻ	Căn cứ theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 25/02/2005; Nghị quyết HĐQT số 02 ngày 19/3/2005; Nghị quyết ĐHCĐ bất thường ngày 05/5/2006; Nghị quyết HĐQT số 03.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

4/2007	30.000	18.000	Chào bán riêng lẻ	Căn cứ theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 28/02/2007 và Nghị quyết HĐQT số 11 ngày 09/3/2007.
3/2008	80.000	50.000	Chào bán riêng lẻ	Căn cứ theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường ngày 17/11/2007 và Nghị quyết HĐQT số 66 ngày 24/11/2007.
01/2010	99.999	19.999	Chia cổ tức đợt 01/2009 và chia cổ phiếu thưởng	Căn cứ theo Nghị quyết ĐHCĐ số 02/NQĐHCĐ ngày 25/11/2009.
10/2010	149.999	50.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và CB-CNV Công ty	Căn cứ theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 28/3/2010; Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 14/9/2009.

1.2 Giới thiệu Công ty

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE.
- Tên tiếng Anh : DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE.
- Tên viết tắt : DOHACO.
- Logo :
- Vốn điều lệ : 149.999.080.000 đồng.
- Địa chỉ : 457C Nguyễn Đình Chiểu, phường 8, thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Điện thoại : (84.75) 3 822 288.
- Fax : (84.75) 3 827 287.
- Email : donghaibt@hcm.vnn.vn.
- Website : www.dohacobentre.com
- Giấy CNĐKKD : 1300358260, thay đổi lần thứ 7 ngày 08/10/2010.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh giấy, bột giấy, các sản phẩm bao bì từ giấy và từ nhựa;
- In bao bì, văn phòng phẩm, biểu mẫu (trừ giấy tờ quản lý của cơ quan Nhà nước);
- Nuôi trồng thủy sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản, thủy hải sản, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chế biến thủy sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu ngành giấy;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu sắt, thép, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất trong nước;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, thức ăn thủy sản.

1.4 Những danh hiệu Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đạt được

- Từ năm 2000 đến năm 2007 Công ty luôn được UBND tỉnh trao tặng bằng khen do có thành tích tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Năm 2004 tập thể CBCNV Công ty vinh dự được Thủ tướng tặng bằng khen do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần như sau:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất Công ty.

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty.

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc.

Ban Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Đơn vị trực thuộc bao gồm:

Khối hành chính nhân sự

Khối tài chính kế toán

Khối kế hoạch kinh doanh

Khối cơ điện, xây dựng cơ bản, môi trường

Văn phòng đại diện tại TP - Hồ Chí Minh

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Các nhà máy sản xuất:

* Nhà máy bao bì Bến Tre bao gồm:

+ Nhà máy bao bì số 1

+ Nhà máy bao bì Số 2

* Nhà máy giấy Giao Long

Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

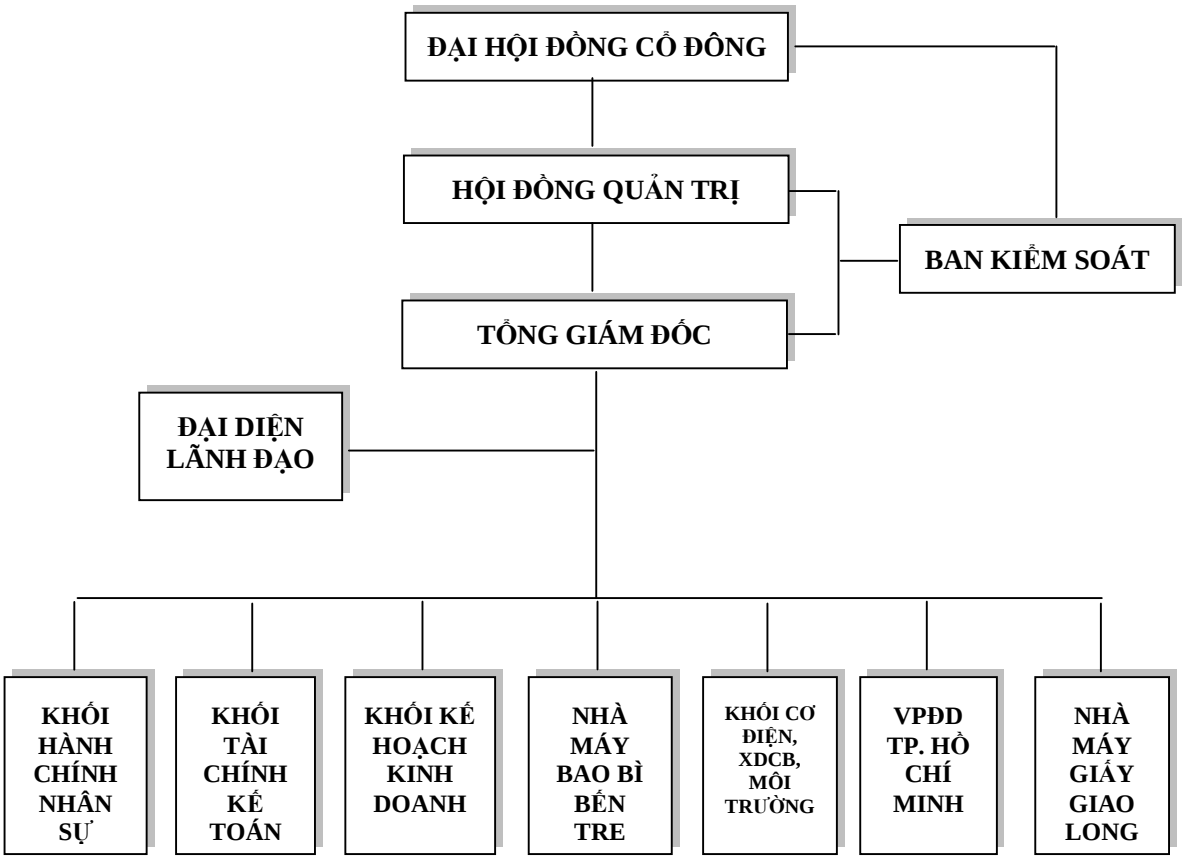

Trụ sở chính

Địa chỉ: 457C Nguyễn Đình Chiểu, phường 8, thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

Điện thoại: 84.75.3822288 - 3812093 - 3815427 Fax: 84.75.3827287

Nhà máy bao bì Bến Tre:

+ Nhà máy bao bì số 1:

Địa chỉ: 457C Nguyễn Đình Chiểu, phường 8, thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

Điện thoại: 84.75.2211655 Fax : 84.75. 3827287

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

+ Nhà máy bao bì số 2:

Địa chỉ: Lô AIII, Khu công nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Điện thoại: 84.75. 2474756 Fax : 84.75. 3611222

Nhà máy giấy Giao Long:

Địa chỉ: Lô AIII, Khu công nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Điện thoại: 84.75.3703878 - 2211657 Fax : 84.75.3635222

Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre (công ty con)

Địa chỉ: 457C Nguyễn Đình Chiểu, phường 8, thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

Điện thoại : 84.75.3816571 Fax : 84.75.3824374

Email : beseaco@hcm.vnn.vn Website : www.beseaco.com.vn

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.1 Đại hội đồng cổ đông

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức hoặc giải thể, phá sản Công ty, quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên, nhiệm kỳ là năm (05) năm, trong đó có một (01) Chủ tịch, một (01) Phó Chủ tịch và ba (03) ủy viên.

Cơ cấu Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty như sau:

Ông Đoàn Văn Đạo	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Ly	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lữ Tấn Ninh	Thành viên Hội đồng quản trị

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

3.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty gồm ba (03) thành viên, nhiệm kỳ là năm (05) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát hiện nay của Công ty như sau:

Ông Lư Sanh Võ	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đoàn Thị Đông	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Đoàn Quốc Thái	Thành viên Ban kiểm soát

3.4 Khối Hành chánh-Nhân sự

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc điều động, bố trí nhân sự và quản lý chặt chẽ bộ máy nhân sự.
- Phụ trách tuyển dụng nhân sự, phối hợp cùng các đơn vị tổ chức đào tạo nhân sự hàng năm
- Tham mưu cho tổng giám đốc xây dựng và thực hiện các chế độ chính sách nhân sự, công tác an ninh bảo vệ, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn lao động, bảo vệ môi trường, công tác hành chính lễ tân, văn thư trong toàn Công ty...

3.5 Khối Tài chính-Kế toán

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc các văn bản pháp luật về chế độ tài chính kế toán, thuế, chế độ chính sách khác liên quan...
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc và HĐQT các phương án nhu cầu vốn, huy động vốn và toàn bộ tình hình hoạt động tài chính của Công ty.
- Xây dựng và lên kế hoạch sử dụng tài sản và nguồn vốn của Công ty.
- Tổ chức và thực hiện hệ thống kế toán tài chính theo qui định của công ty và pháp luật hiện hành.
- Theo dõi, quản lý cổ phần, chuyển nhượng cổ phần, thu chi cổ tức.

3.6 Khối Kế hoạch-Kinh doanh

- Theo dõi và tham mưu cho Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động kinh doanh của toàn Công ty qua từng thời kỳ.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch marketting, kế hoạch đầu tư các dự án, máy móc thiết bị...

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

- Tham mưu cho tổng giám đốc về chiến lược sản phẩm và thị trường trong nước, thế giới cho từng giai đọan phát triển công ty, về chiến lược xây dựng thương hiệu sản phẩm.
- Lập kế hoạch kiểm soát chất lượng nguyên liệu, thành phẩm, chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết các khiếu nại của khách hàng.

3.7 Khối cơ điện, xây dựng cơ bản, môi trường

- Tham mưu cho Tổng giám đốc về công nghệ kỷ thuật máy móc thiết bị, quy trình kỷ thuật xử lý các chất thải trong sản xuất và thiết bị quy hoạch xây dựng cơ bản...
- Lập danh mục lý lịch máy móc thiết bị, nhà xưởng vật kiến trúc, các cơ sở vật chất..., đồng thời tổ chức kiểm soát chặt chẽ trong quá trình sử dụng.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện bảo trì sửa chữa máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và các hệ thống xử lý môi trường hàng tháng, quý, năm.
- Trực tiếp tổ chức điều hành các hoạt động phòng kiểm nghiệm, vận hành các hệ thống xử lý môi trường và kiểm soát chặt chẽ vệ sinh môi trường các nhà máy Công ty.
- Lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện phát huy sáng kiến cải tiến về quy trình công nghệ sản xuất, thiết bị máy móc, các quy trình công nghệ kỷ thuật xử lý chất thải... nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm giảm chi phí sản xuất, chi phí xử lý môi trường...

3.8 Nhà máy bao bì Bến Tre

a. Nhà Máy Bao Bì Số 1

Được xây dựng năm 2006, nằm trong khuôn viên trụ sở chính của Công ty với diện tích 4.883,3 m^2 (do UBND Tỉnh cho thuê thời hạn 50 năm kể từ này 22/02/2005), trong đó 359,3 m^2 lô giới phục vụ cho nhu cầu giao thông nguyên liệu và hàng hóa trong sản xuất. Nhà máy chuyên sản xuất bao bì carton có công suất 15 triệu m^2/năm.

b. Nhà Máy Bao Bì Số 2

Được Công ty đầu tư mới năm 2010 có diện tích 12.000m2 nằm trong khuôn viên Nhà máy giấy Giao Long, vừa hoàn tất xây dựng, lắp đặt các trang thiết bị dây chuyền và chính thức đưa vào khai thác từ đầu năm 2011. Nhà máy bao bì Số 2 chuyên sản xuất bao bì carton với công suất 25 triệu m^2/năm

3.9 Nhà máy giấy Giao Long

Chuyên sản xuất giấy công nghiệp (medeum & tesliner...) được xây dựng trên diện tích 103,767 ha với công suất thiết kế giai đoạn I là 180 tấn/ngày, dự kiến giai đoạn II là 300 tấn/ngày. Tháng 4 năm 2010, Công ty đã hoàn tất xây dựng, lắp đặt các trang thiết bị dây chuyền của giai đoạn I và đưa vào vận hành sản xuất thử. Từ đầu năm 2011 nhà máy chính thức đi vào hoạt động sản xuất thương mại.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông sáng lập

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
01	Đoàn Văn Đạo	125B Đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	1.740.690	11,60%
02	Lê Xuân Hoàng	636C, ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	18.750	0,13%
03	Lư Sanh Võ	196D, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	40.280	0,27%
	Tổng cộng		**1.799.720**	**12%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre)

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 18/02/2011

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	Số CNĐKKD/ CMND	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (Triệu đồng)	TỶ LỆ (%)
Đoàn Văn Đạo	125B Đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	320809910	1.740.690	17.406,90	11,60%
Lê Quang Hiệp	177 Bis, Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	020263371	875.000	8.750,00	5,83%

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Công ty Cổ phần XNK Thủy Sản Bến Tre	Ấp 9, Tân Thạch, Châu Thành, Bến Tre	1300376365	1.186.898	11.868,98	7,91%
Tổng cộng			**3.802.588**	**38.025,88**	**25,34%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre)

4.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 18/02/2011

STT	CƠ CẤU VỐN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (VND)	TỶ LỆ (%)
I	Pháp nhân	2.369.660	23.696.600.000	15,80%
	Cá nhân	12.630.240	126.302.480.000	84,20%
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
II	Cổ đông trong nước	14.877.057	148.770.570.000	99,18%
	Cổ đông nước ngoài	122.851	1.228.510.000	0,82%
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
III	Cổ đông trong Công ty	3.104.779	31.047.790.000	20,70%
	Cổ đông ngoài	11.895.129	118.951.290.000	79,30%
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
	Tổng cộng	14.999.908	149.999.080.000	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre)

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1 Danh sách những Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Không có

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

5.2 Danh sách những Công ty con của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

ĐVT : đồng

STT	Công ty	Vốn điều lệ	Vốn góp của Dohaco	Tỷ lệ góp vốn
01	Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre	58.170.030.000	48.917.930.000	84,09%

(Cơ cấu sở hữu công ty con tại thời điểm 31/03/2011)

Tên công ty : Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre.

Tên thương mại : BenTre Seafood Joint Stock Comapany.

Tên viết tắt : Beseaco

EU Code No : DL84.

Địa chỉ : 457C Nguyễn Đình Chiểu, phường 8, thành phố Bến Tre, Bến Tre.

Điện thoại : (84.75) 3 815 436 Fax: (84.75) 3 824 374

Website : www.beseaco.com.vn Email: beseaco@.hcm.vnn.vn

Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre (Beseaco) được thành lập vào năm 1995 là doanh nghiệp nhà nước (tên cũ Nhà máy Đông lạnh 84). Năm 2003, Beseaco chuyển đổi và hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

Hiện nay, Beseaco đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 và các tiêu chuẩn HACCP, SSOP, MSC và đang triển khai thực hiện ISO 9001-14001.

Sản phẩm của Công ty hiện nay được tiêu thụ chủ yếu xuất khẩu sang các thị trường EU, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Asean, Trung Đông...

Giấy CNĐKKD số : 1300360213 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Bến Tre cấp .

Hoạt động kinh doanh:

- Thu mua chế biến hàng thủy sản;
- Nuôi trồng thủy sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủy sản và vật tư thiết bị hàng hóa phục vụ ngành thủy sản.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các nhóm sản phẩm chính của Công ty

Hiện nay, các hoạt động kinh doanh chính của Công ty gồm: sản xuất các loại giấy công nghiệp (tesliner, medeum), bao bì carton (3 lớp, 5 lớp, 7 lớp với các chủng loại đa dạng) và hoạt động nuôi trồng-chế biến thủy sản xuất khẩu của Công ty con Beseaco.

a. Nhóm sản phẩm chính của DOHACO

Hiện nay, sau khi dự án Nhà máy giấy Giao Long (giai đoạn 1) và Nhà máy bao bì Số 2 đã thực hiện hoàn thành 100% các hạng mục đầu tư và đưa vào sử dụng từ đầu năm 2011, sản lượng bình quân của Công ty tăng rất cao lần lượt là: giấy công nghiệp từ 700 tấn/ tháng lên 4.000 tấn/tháng; giấy carton các loại từ 900.000 m^2/tháng lên 1.500.000 m^2/tháng và bao bì carton các loại từ 950.000 sản phẩm/tháng lên 1.600.000 sản phẩm/tháng.

Các sản phẩm giấy công nghiệp và giấy carton của Công ty một phần được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất bao bì carton của Công ty, phần còn lại được cung ứng ra thị trường bên ngoài cho các nhà máy bao bì (khoảng 60% sản lượng sản xuất đối với giấy cuộn và 10% đối với giấy carton).

Sản phẩm bao bì carton của Công ty có nhiều ưu điểm về độ bền, dẻo dai, đặc biệt là khả năng chịu chống thấm nước cao phù hợp trong mọi điều kiện thời tiết, đáp ứng tốt cho nhu cầu bao gói những sản phẩm chế biến đông lạnh, sản phẩm tân dược, nông dược, thực phẩm, bánh kẹo và hàng công nghiệp khác... Đây là lợi thế cạnh tranh của Công ty so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành khác. Dự kiến trong năm 2011 doanh thu đối với các sản phẩm này tăng trưởng khoảng 90% so với năm 2010.

Các dòng sản phẩm được sản xuất theo quy trình khép kín với máy móc thiết bị và công nghệ mới hiện đại tự động hóa, được kiểm soát bởi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đã được trung tâm Quacert chứng nhận vào năm 2005. và đang triển khai áp dụng ISO 9001-14001, dự kiến được đánh giá chứng nhận vào cuối năm 2011.

Một số hình ảnh về sản phẩm giấy và bao bì giấy của Công ty:

Hình 1: *Sản phẩm giấy carton board & bao bì carton*

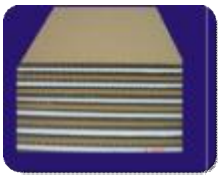

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Hình 2: *Nguyên liệu & Sản phẩm giấy công nghiệp*

Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là nội địa, trong thời gian tới Công ty mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước như ASEAN, Nam Á v.v...

Hiện nay, các nhóm khách hàng chính đối với các sản phẩm giấy và bao bì giấy của Công ty là các doanh nghiệp chế biến thủy hải sản, các doanh nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, dược phẩm và các doanh nghiệp sản xuất hàng công nghiệp khác. Tỷ trọng doanh thu theo nhóm khách hàng hiện tại và dự kiến năm 2011 của Công ty như sau:

Bảng tỷ trọng doanh thu các nhóm khách hàng dự kiến

STT	Nhóm khách hàng	Tỷ trọng doanh thu năm 2010	Tỷ trọng doanh thu năm dự kiến 2011
01	Các doanh nghiệp chế biến thủy hải sản	39,81%	20%
02	Các doanh nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, dược phẩm, nông dược, bánh kẹo	5,83%	10%
03	Các doanh nghiệp sản xuất hàng công nghiệp khác	53,07%	50%
04	Xuất khẩu	1,29%	20%
	Tổng cộng	**100%**	**100%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre)

b. Nhóm sản phẩm chính của BESEACO

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Beseaco là chế biến các mặt hàng thủy hải sản đông lạnh xuất khẩu. Các sản phẩm chính của Beseaco gồm cá tra, cá basa và nghêu với tổng công suất chế biến 7.000 tấn thành phẩm/năm.

Vào cuối năm 2008 Beseaco quản lý toàn bộ trại cá Phước Long từ Dohaco với diện tích là 25 ha và số lượng ao nuôi là 17 ao. Tại trại nuôi này, có khu vực ươm cá giống riêng với diện tích 2,2 ha nhằm tạo sự chủ động trong việc cung cấp con giống cho việc nuôi

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

trồng. Việc này giúp Beseaco thực hiện khép kín quy trình nuôi trồng và chế biến thủy sản xuất khẩu nhằm giảm thiểu các biến động về giá cả, rũi ro thị trường.

Trong năm 2010 Beseaco đã hoàn thành và đưa vào sử dụng phân xưởng nghêu mới , kho lạnh 1.000 tấn tại khu vực trụ sở công ty và cơ sở chế biến nghêu tại miền Bắc với công suất 200 tấn/tháng.

Một số sản phẩm chính của Beseaco:

- Nghêu trắng: là sản phẩm chủ lực chính của Beseaco hiện nay (Meretrix lyrata) .

Hình 3: *Khai thác nguyên liệu & Sản phẩm nghêu*

- Cá tra, cá basa là sản phẩm được công ty khép kín quá trình nuôi trồng-chế biến-xuất khẩu.

Hình 4: *Thu hoạch cá nguyên liệu & Sản phẩm cá tra, cá basa*

6.2 Doanh thu, lãi gộp của năm 2009, 2010 và Quý I/2011

Trong năm 2010 Công ty khai thác tối đa công suất cơ sở vật chất hiện có mà vẫn không đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Do các dự án đầu tư chậm đưa vào sử dụng theo kế hoạch, nên trong năm 2010 Công ty chịu áp lực rất lớn nhu cầu cung cấp hàng hóa cho khách hàng. Trong sản xuất các cấp điều hành quản lý tập trung kiểm soát các định mức chi phí rất tốt không vượt định mức kế hoạch, tận dụng mọi điều kiện tiết kiệm chi phí... góp phần giảm giá thành sản phẩm. Song song đó kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm ổn định giảm thiểu số lần khiếu nại của khách hàng.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

a. Sản lượng sản phẩm chính của Dohaco và Beseaco qua các năm

STT	SẢN PHẨM	Đơn vị	Năm 2009	Năm 2010	Quý I/2011
A	**DOHACO**				
01	Bao bì các loại	Cái	9.271.391	12.250.998	2.751.642
02	Giấy carton	m^2	8.883.372	9.405.178	2.410.666
03	Giấy cuộn	Tấn	7.286	20.373	6.233
B	**BESEACO**				
01	Nghêu nguyên con	Kg	2.573.809	3.293.518,98	1.315.557,33
03	Cá tra fillet đông lạnh	Kg	880.570	1.152.477,32	41.723,15
04	Cá tra nguyên liệu	Kg	4.494.198	3.197.019,5	644.788

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre)

b. Cơ cấu doanh thu các loại hình sản phẩm của Dohaco và Beseaco qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

TT	SẢN PHẨM	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	**DOHACO**						
I	**Sản xuất**						
01	Bao bì các loại	33.103	28,2%	97.732	50,43%	25.185	43,76%
02	Giấy carton	9.787	8,3%	4.593	2,37%	280	0,49%
03	Giấy cuộn	32.115	27,3%	83.821	43,25%	31.642	54,97%
04	Các sản phẩm khác	858	0,7%	6.429	3,32%	466	0,78%
II	**Thương mại**						
01	Thức ăn thủy sản	38.611	32,8%	0	0,00%	0	0,00%
02	Hóa chất	2.305	2,0%	1.227	0,63%	0	0,00%
03	Sản phẩm dịch vụ ủy thác	181	0,2%	0	0,00%	0	0,00%
04	Các sản phẩm khác	620	0,5%	0	0,00%	0	0,00%
	Cộng	**117.579**	**100%**	**193.802**	**100%**	**57.573**	**100%**

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

B	**BESEACO**						
01	Nghêu	81.557	56,13%	131.680	64,05%	32.386	54,99%
02	Cá fillet	23.262	16,01%	49.770	24,21%	13.132	22,30%
03	Cá tra nguyên liệu	37,324	25,69%	17.564	8,54%	12.958	22,00%
04	Cá tra phụ phẩm, vụn	925	0,64%	6.501	3,16%	416	0,71%
05	Khác	2.220	1,53%	77	0,04%	0	0,00%
	Cộng	**145.288**	**100%**	**205.592**	**100%**	**58.892**	**100%**
C	**Tổng cộng**	**262.867**		**399.394**		**116.447**	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre)

c. Cơ cấu lợi nhuận gộp các loại hình sản phẩm dịch vụ của Dohaco và Beseaco qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

TT	SẢN PHẨM	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I	**DOHACO**						
01	Bao bì các loại và giấy carton	12.450	49,50%	31.213	53,46%	4.633	38,55%
02	Giấy công nghiệp	8.507	33,83%	25.280	43,30%	7.363	61,27%
03	Hoạt động thương mại và dịch vụ khác	4.193	16,67%	1.892	3,24%	22	0,18%
	Cộng	**25.150**	**100%**	**58.385**	**100%**	**12.018**	**100%**
II	**BESEACO**						
01	Nghêu	17.830	94,54%	29.854	87,59%	6.511	57,07%
02	Cá tra fillet	1.100	5,83%	1.991	5,84%	1.662	14,57%
03	Cá tra nguyên liệu + khác	(71)	(0,37)%	2.239	6,57%	3.235	28,36%
	Cộng	**18.859**	**100%**	**34.084**	**100%**	**11.408**	**100%**
III	**Tổng cộng**	**44.009**		**92.469**		**23.426**	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre)

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

6.3 Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên vật liệu

« ***Sản phẩm giấy***

Nguồn nguyên vật liệu chủ yếu để sản xuất giấy công nghiệp và bao bì giấy carton là giấy vụn tái chế, chiếm tỷ lệ 100%, nguồn cung cấp chính từ các trạm thu gom trong hệ thống đại lý của Công ty và nguồn nhập khẩu từ các khách hàng truyền thống như Singapore, Nhật, EU v.v...

« ***Cá tra thương phẩm***

Nguồn nguyên liệu chủ yếu của việc nuôi cá tra thương phẩm là nguồn cá giống, thức ăn và hóa chất phòng trừ bệnh cho cá.

Hiện nay, trại nuôi cá tra của Công ty đã có khu ươm giống tại chỗ phục vụ kế hoạch nuôi tạo thế chủ động và giảm thiểu những tác động xấu.

Đối với nguồn thức ăn phục vụ trại nuôi, Công ty thu mua chủ yếu từ các nhà máy chế biến thức ăn trong nước. Các nguồn cung cấp thức ăn này rất dồi dào nhưng Công ty chỉ tập trung chọn lọc nhà cung cấp có giá cả cạnh tranh, chất lượng ổn định. Nhằm để chủ động lịch trình và giảm giá thành nuôi, công ty đã đầu tư và đưa vào hoạt động một dây chuyền chế biến thức ăn đáp ứng 80% nhu cầu thức ăn trại cá.

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên liệu

« ***Sản phẩm giấy***

Hiện tại Công ty đang được 6 đại lý thu mua nằm rãi rác ở các tỉnh Bến Tre, Tiền Giang, An Giang, Trà Vinh, Kiên Giang và tp Hồ Chí Minh... Mỗi tháng hệ thống đại lý thu mua này cung cấp bình quân khoảng 2.000-4000 tấn giấy vụn phục vụ cho việc sản xuất của Công ty. Tuy nhiên Công ty sẽ tiếp tục chú trọng phát triển thêm nhiều đại lý tại các tỉnh ĐBSCL và khu vực ven Tp. Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó Công ty cũng thường xuyên nhập khẩu bổ sung nguồn nguyên liệu giấy vụn từ các khách hàng truyền thống ở Singapore, nhật, EU, Úc v.v... nhằm điều hòa chất lượng nguyên liệu và chủ động điều tiết khi nguồn nguyên liệu giấy vụn trong nước còn thiếu. Bình quân hằng năm nguồn nguyên liệu nhập khẩu chiếm khoảng 30%-40% trong tổng nguyên liệu sản xuất các sản phẩm giấy của Công ty. Giá nguyên liệu nhập khẩu cao hơn khoảng 10%-15% so với giá mua trong nước, nhưng bù lại có chất lượng tốt hơn và tỉ lệ thu hồi bột cao hơn so với nguyên liệu giấy vụn trong nước.

Điều này giúp Công ty chủ động điều tiết nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất và chế biến sản phẩm có chất lượng ổn định và thoả mãn thông số tiêu chuẩn kỷ thuật.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

« ***Cá tra thương phẩm***

Cá giống, thức ăn và hóa chất chiếm tỉ trọng chủ yếu trong giá thành nuôi (bình quân khoảng 70% - 80% giá thành), do đó mọi rủi ro hoặc có sự biến động nào từ con giống, thức ăn và hóa chất đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận, Công ty thường xuyên theo dõi chỉ đạo, giám sát, đào tạo nâng cao tay nghề và nhận thức cho người lao động, áp dụng quy trình nuôi tiên tiến nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu hao phí sản xuất (giảm lượng cá hao hụt trong quá trình nuôi, rút ngắn thời gian nuôi cá, sử dụng lượng thức ăn và hóa chất có mức vừa đủ v.v...)

6.4 Chi phí sản xuất

a. Chi phí sản xuất

Trong những năm gần đây cùng với sự tăng trưởng của doanh thu, giá vốn hàng bán của Công ty cũng gia tăng tương ứng .

Bảng cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty Dohaco

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
Giá vốn hàng bán	92.428	78,61%	135.417	69,87%	45.536	79,12%
Chi phí bán hàng	3.692	3,14%	6.488	3,35%	1.885	3,28%
Chi phí quản lý	2.755	2,34%	6.341	3,27%	1.572	2,73%
Chi phí lãi vay	4.536	3,86%	9.436	4,87%	7.029	12,21%
Chi phí khác	727	0,62%	19	0,01%	0	0,00%
Tổng cộng	**104.138**	**88,57%**	**157.701**	**81,37%**	**56.022**	**97,34%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre – Báo cáo tài chính kiểm toán 2009, 2010 và Báo cáo tài chính Quý I/2011)

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Bảng cơ cấu chi phí sản xuất hợp nhất của Dohaco và Beseaco

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
Giá vốn hàng bán	176.516	80,32%	295.489	75,82%	92.215	79,36%
Chi phí bán hàng	17.362	7,90%	31.438	8,07%	6.509	5,60%
Chi phí quản lý	7.476	3,40%	10.783	2,77%	2.789	2,40%
Chi phí lãi vay	6.939	3,16%	12.552	3,22%	8.092	6,96%
Chi phí khác	589	0,27%	1.035	0,27%	0	0,00%
Tổng cộng	**208.882**	**95,05%**	**351.297**	**90,14%**	**109.605**	**94,33%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre – Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2009, 2010, Báo cáo tài chính Quý I/2011)

b. Biện pháp quản lý chi phí

Việc kiểm soát chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ là hết sức quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến việc giảm chi phí sản xuất kinh doanh để nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường thông qua các biện pháp sau:

- Xây dựng định mức nguyên vật liệu đối với các loại sản phẩm sản xuất của Công ty, tránh tình trạng sử dụng lãng phí nguyên vật liệu trong sản xuất (nguyên phụ liệu, điện, nước...)
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi các chi phí sản xuất thông qua các quá trình giám sát trực tiếp và báo cáo định kỳ của các đơn vị về tình hình sử dụng nguyên vật liệu, chi phí quản lý của Công ty;
- Nâng cao năng suất lao động, khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị;
- Cải tiến hệ thống quản lý, cải tiến quy trình sản xuất, cải tiến máy móc thiết bị...
- Lập quy định, định mức cụ thể đối với các chi phí quản lý như điện thoại, tiếp khách, văn phòng phẩm... tại các đơn vị;
- Đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, hạn chế tình trạng chiếm dụng vốn của khách hàng nhằm giảm chi phí lãi vay của Công ty.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

6.5 Trình độ công nghệ

Hệ thống máy móc thiết bị công nghệ mà Công ty đang sử dụng được đầu tư mới có quy trình công nghệ sản xuất khép kín bao gồm:

Dây chuyền sản xuất giấy kraft công nghiệp có công suất 60.000 tấn/năm (bao gồm dây chuyền máy xeo giấy lưới dài khổ 3.200 mm, hệ thống xử lý bột giấy OCC và các công trình phụ trợ khác) của Nhà máy giấy Giao Long (giai đoạn 1) đã được Công ty hoàn thành 100% các hạng mục và đưa vào hoạt động từ tháng 01/2011. Đây là dây chuyền sản xuất giấy kraft công nghiệp hiện đại và tự động hóa, được nhập khẩu từ Châu Âu và Trung Quốc.

Hai dây chuyền sản xuất giấy bao bì carton 3 lớp, 5 lớp và 7 lớp có tổng công suất thiết kế là 40.000.000 m^2/năm (bao gồm 02 dây chuyền máy dợn sóng, 02 hệ thống máy in nhiều màu và nhiều máy móc thiết bị đồng bộ khác v.v...) được đưa vào sử dụng năm 2006 đối với nhà máy số 1 và năm 2011 đối với Nhà máy Số 2, thuộc Nhà máy Bao bì Bến Tre.

Ngoài ra, để máy móc thiết bị vận hành liên tục ổn định, Công ty đã xây dựng một bộ phận kỹ thuật cơ điện kiểm tra bảo trì thường xuyên, sửa chữa kịp thời, nghiên cứu cải tiến các chi tiết liên quan đến dây chuyền sản xuất, nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, khống chế sản phẩm sai hỏng.

Đối với hoạt động chế biến thủy hải sản của Beseaco, hiện Công ty đã đầu từ mới bao gồm 3 hệ thống băng chuyền phẳng, bốn tủ đông tiếp xúc, nhiều thiết bị đồng bộ khác công suất 50 tấn thành phẩm/ ngày. Hệ thống trang thiết bị máy móc hoàn toàn hiện đại với các tủ đông tiếp xúc, băng chuyền IQF, băng chuyền xoắn, máy dò kim loại, máy hút chân không được nhập từ Nhật và Đan Mạch. Đặc biệt Beseaco còn trang bị phòng kiểm nghiệm nhằm kiểm soát an toàn chất lượng sản phẩm đến tay người tiêu dùng trong và ngoài nước. Tháng 01/2011 Beseaco vừa đưa thêm kho lạnh với sức chứa 1.000 tấn vào hoạt dộng.

Danh mục tài sản cố định tại thời điểm 31/3/2011 của Dohaco

STT	Tên tài sản cố định	Đơn vị	Số lượng	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
A	***Tài sản cố định hữu hình***					
I	***Nhà cửa, vật kiến trúc***					
01	Hàng rào, cổng chính	Bộ	01	187.762.059	53.156.110	134.605.949
02	Logo Công ty	Cái	01	18.500.000	5.237.524	13.262.476

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

03	Văn phòng làm việc	Cái	01	543.836.424	153.962.770	389.873.654
04	Cửa sổ+vách nhôm	Bộ	01	14.729.750	569.076	14.160.674
05	Cửa nhôm mặt tiền	Cái	01	10.302.000	383.792	9.918.208
06	Nhà xưởng cũ	Cái	01	446.433.127	387.035.516	59.397.611
07	Trạm điện 1000 KVA	Cái	01	296.117.715	250.542.029	45.575.686
08	Nhà xưởng mới	Cái	01	3.752.989.966	1.656.715.674	2.096.274.292
09	Công trình hồ chứa cối xay	Cái	01	77.233.000	19.290.240	57.942.760
10	Đường dây điện		01	22.245.598	22.245.598	-
11	Đường nội bộ		01	27.134.870	27.134.870	-
12	Trạm biến thế 1500 KVA	Cái	03	2.938.124.750	72.446.940	2.865.677.810
13	Trạm biến thế 2000 KVA	Cái	01	1.296.644.040	31.972.050	1.264.671.990
14	Trạm biến thế 1000 KVA	Cái	01	768.388.636	18.946.530	749.442.106
15	Hệ thống PCCC	Bộ	01	559.454.735	17.243.460	542.211.275
16	Hệ thống điện chiếu sáng	Bộ	01	342.224.191	10.548.000	331.676.191
17	Hệ thống cấp nước	Bộ	01	90.005.419	2.774.160	87.231.259
18	Nhà xưởng 1	Cái	01	4.699.935.280	33.111.090	4.666.824.190
19	Nhà xưởng 2	Cái	01	12.056.106.421	84.935.430	11.971.170.991
20	Tường rào	Cái	01	928.659.313	11.449.260	917.210.053
21	Nhà bảo vệ	Cái	02	76.907.462	948.150	75.959.312
22	Nhà ăn	Cái	01	76.907.461	948.150	75.959.311
23	Nhà điều hành	Cái	01	551.988.135	6.805.350	545.182.785
24	Nhà xe	Cái	01	262.977.862	3.242.160	259.735.702
25	Hệ thống xử lý nước thải	Bộ	01	354.199.092	4.366.800	349.832.292

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

26	Đường nội bộ, vĩa hè		01	24.937.580.624	125.654.403	24.811.926.221
27	Bãi nguyên liệu -8651m2	Cái	01	2.497.804.562	30.794.850	2.467.009.712
28	Bãi than -3160m2	Cái	01	2.913.022.730	35.913.960	2.877.108.770
29	Hệ thống cống thoát nước	Bộ	01	2.177.420.527	26.844.930	2.150.575.597
30	Ram dốc cổng chính, cổng phụ	Cái	01	2.462.939.310	20.243.340	2.442.695.970
31	Hồ chứa bột	Cái	07	3.276.532.663	40.395.600	3.236.137.063
32	Nhà điều hành hệ thống xử lý bột	Cái	01	31.773.526	391.770	31.381.756
33	Hệ thống móng máy xeo	Cái	01	1.361.905.434	16.790.580	1.345.114.854
34	Hồ thu hồi giấy đứt	Cái	02	878.234.936	10.827.540	867.407.396
35	Hồ thay lưới	Cái	01	513.230.104	6.327.450	506.902.654
36	Móng đỡ động cơ	Cái	01	852.231.162	10.506.960	841.724.202
37	Bể nổi 12m3	Cái	01	76.073.685	1.187.890	74.885.795
38	Bể nổi 20m3	Cái	01	81.133.229	1.000.260	80.132.969
39	Hồ chứa 3mx3mx0,7m	Cái	01	18.020.539	222.210	17.798.329
40	Hồ chứa 3mx3mx1m	Cái	01	41.626.943	513.180	41.113.763
41	Hồ chứa bồn dầu 4mx6mx1,6m	Cái	01	125.528.334	1.547.640	123.980.694
42	Hồ âm 8,8mx10,5m	Cái	01	865.558.450	10.671.300	854.887.150
43	Cổng chính, bảng hiệu, cột cờ	Bộ	01	53.860.061	1.328.040	52.532.021
44	Hồ chứa bột tràn	Cái	01	30.732.658	757.800	29.974.858
45	Mương Kỹ thuật xưởng 2	Cái	01	51.408.714	1.267.650	50.141.064
46	Nhà vệ sinh – khu xử lý nước thải	Cái	01	113.429.112	1.398.420	112.030.692
47	Hồ chứa nước 100m3- hồ nước lò hơi	Cái	01	162.728.577	2.006.280	160.722.297

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

48	Hồ chứa nước 1000m3	Cái	01	419.895.508	5.176.800	414.718.708
49	Bệ đỡ bình khí lò hơi	Cái	01	12.252.463	302.130	11.950.333
50	Mương điện	Cái	01	36.470.269	899.280	35.570.989
51	Móng lò hơi	Cái	02	297.223.996	3.664.440	293.559.556
52	Móng băng tải	Cái	01	426.828.927	5.262.300	421.566.627
53	Sàn thao tác cối xay	Cái	01	219.757.072	5.418.630	214.338.442
54	Mương thoát nước xưởng 2	Cái	01	175.805.657	2.167.470	173.638.187
55	Hệ thống bệ máy	Cái	01	910.296.436	11.222.820	899.073.616
56	Mái che bãi nguyên liệu giấy	Cái	01	2.709.310.326	33.402.420	2.675.907.906
57	Mái che bãi nguyên liệu củi	Cái	01	1.615.138.959	19.912.680	1.595.226.279
58	Mái che máy ép bùn	Cái	01	39.438.646	486.270	38.952.376
59	Hồ phơi bùn	Cái	01	74.943.390	923.940	74.019.450
60	Hồ thu hồi nước từ máy ép bùn	Cái	01	21.148.088	260.730	20.887.358
61	Móng và nhà điều hành trạm cân	Cái	01	285.246.207	3.516.750	281.729.457
62	Móng máy sang cuộn	Cái	01	239.658.995	2.954.700	236.704.295
63	Móng ống khói lò hơi	Cái	02	99.057.775	1.221.300	97.836.475
64	Phòng điều khiển biến tần	Cái	01	50.237.834	619.380	49.618.454
65	Phòng cơ điện	Cái	01	239.027.119	2.946.870	236.080.249
66	Phòng điều khiển KCS	Cái	01	43.350.302	534.420	42.815.882
67	Phòng tủ điện động lực	Cái	03	78.404.218	966.600	77.437.618
68	Hệ thống chống sét	Bộ	01	105.389.143	3.248.280	102.140.863
69	Cửa cổng chính	Cái	01	92.029.532	2.836.530	89.193.002
70	Cửa cổng phụ	Cái	01	77.293.555	2.382.300	74.911.255

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

71	Ống khói lò hơi	Cái	01	13.000.000	2.094.456	10.905.544
72	Nhà xưởng sản xuất	Cái	01	2.287.956.444	647.732.368	1.640.224.076
73	Nhà kho cũ	Cái	01	58.610.932	16.592.908	42.018.024
74	Nhà kho mới	Cái	01	271.107.869	55.171.630	215.936.239
75	Nhà nồi hơi	Cái	01	610.236.353	175.761.156	434.475.197
76	Hệ thống PCCC – Chống sét	Bộ	01	104.921.600	44.555.994	60.365.606
77	Trạm điện & đường dây 22 KV	Bộ	01	245.169.914	104.113.260	141.056.654
78	Hệ thống điện sx & thắp sáng	Bộ	01	143.244.254	60.829.832	82.414.422
79	Hệ thống tháp khử bụi – khí cho lò hơi 2 tấn	Bộ	01	70.000.000	12.830.082	57.169.918
80	Nổi hơi quá nhiệt	Cái	01	431.175.000	14.333.046	416.841.954
81	Nhà chứa nồi hơi	Cái	01	99.722.817	18.214	99.704.603
82	Văn phòng nhà máy	Cái	01	113.485.826	32.128.258	81.357.568
83	Nhà bảo vệ, nhà vệ sinh	Bộ	01	137.414.441	38.903.116	98.511.325
84	Nhà xưởng 3-36mx180m	Cái	01	12.027.180.309	35.048.310	11.992.131.999
85	Hàng rào, cổng bảo vệ - 346m	Bộ	01	763.179.103	9.409.050	753.770.053
86	Hệ thống thoát nước – 662m	Cái	01	795.705.586	9.810.090	785.895.496
87	Đường nội bộ, vĩa hè – 2.580m2	Bộ	01	1.715.032.108	21.144.240	1.693.887.868
88	Hồ nước 50m3	Cái	01	157.662.649	1.943.820	155.718.829
89	Móng máy in 3;5 màu	Cái	01	162.977.336	2.009.340	160.967.996
90	Móng nồi hơi	Cái	01	82.775.973	1.020.510	81.755.463
91	Móng ống khói nồi hơi	Cái	01	13.268.990	163.620	13.105.370
92	Móng máy giấy tấm xưởng 3	Cái	01	413.651.932	5.099.850	408.552.082

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

93	Nhà bảo vệ	Cái	01	80.405.637	991.260	79.414.377
94	Phòng tủ điện điều khiển	Cái	01	17.696.233	436.320	17.259.913
95	Hồ xử lý nước thải	Cái	01	66.770.510	823.230	65.947.280
96	Hệ thống điện chiếu sáng	Bộ	01	75.176.629	2.317.050	72.859.579
97	Hế thống cấp nước	Bộ	01	117.948.961	3.635.370	114.313.591
98	Cửa cổng	Cái	01	84.948.688	2.618.280	82.330.408
99	Bãi nguyên liệu – than – 2.079m2	Bộ	01	554.779.528	6.839.730	547.939.798
100	Trạm biến thế 1.000 KVA	Bộ	01	1.082.701.258	26.696.700	1.056.004.558
101	Thiết bị chống sét và PCCC	Bộ	01	237.348.802	7.315.560	230.033.242
102	Nhà lò hơi	Cái	01	1.310.466.933	179.516	1.310.287.417
103	Nhà xe BB2	Cái	01	436.357.680	59.775	436.297.905
104	Nhà điều hành BB2	Cái	01	853.530.014	116.922	853.413.092
105	Hồ nước PCCC	Cái	01	509.653.017	69.815	509.583.202
106	Nhà chứa thiết bị và máy bơm PCCC	Bộ	01	240.710.978	32.974	240.678.004
II	***Máy móc thiết bị***					
01	Máy cắt cán lằn tề biên 1 dao	Cái	01	103.140.000	103.140.000	-
02	Máy cột dây	Cái	01	22.860.000	22.860.000	-
03	Máy cán lằn tề biên 1 dao mới	Cái	01	103.793.333	103.793.333	-
04	Máy đóng ghim	Cái	01	22.984.000	22.984.000	-
05	Máy dán thùng	Cái	01	115.655.500	115.655.500	-
06	Máy đùn trấu thành cục	Cái	01	49.776.700	27.459.638	22.317.062
07	Dây chuyền máy xeo	Cái	01	5.838.860.373	4.721.301.546	1.117.558.827

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

08	BP nâng ép (4 túi cao su + 4 cây ben)	Cái	01	26.746.100	20.141.969	6.604.131
09	Đầu nghiền đĩa phi 450 (AH)	Cái	01	45.000.000	33.887.074	11.112.926
10	Motor 75KW 6P (nghiền đĩa)	Cái	01	20.000.000	14.783.316	5.216.684
11	Lô lưới TQ (dây chuyền MX)	Cái	01	141.600.000	104.664.382	36.935.618
12	Máy in flexo 5 màu	Cái	01	6.007.019.420	1.187.003.246	4.820.016.174
13	Máy cột (Đài Loan mới 100%)	Cái	01	36.120.000	6.222.110	29.897.890
14	Máy xẻ rãnh thùng carton đã qua sử dụng	Cái	01	210.045.000	17.911.317	192.133.683
15	Máy phát điện USA	Cái	01	172.727.300	7.334.972	165.392.328
16	Máy dán thùng tự động QC 4675x2020x1420mm	Cái	01	161.696.667	77.410.684	84.285.983
17	Lô răng tạo sóng cuộn giấy carton HB	Cái	01	147.083.213	64.285.849	82.797.364
18	Lô răng tạo sóng cuộn giấy carton HC	Cái	01	147.083.213	64.285.849	82.797.364
19	Lô răng tạo sóng cuộn giấy carton HE	Cái	01	147.083.213	64.285.849	82.797.364
20	Máy thử độ bục giấy (KCS)	Cái	01	37.480.952	35.826.740	1.654.212
21	Máy cán màng (NMBB)	Cái	01	21.332.799	21.332.799	-
22	Máy đóng ghim	Cái	01	18.742.662	18.742.662	-
23	Đồng bộ máy dợn sóng (máy nén khí, dây chuyền máy dợn sóng)	Bộ	01	2.282.215.314	1.211.520.202	1.070.695.112
24	Đồng bộ lò hơi (lò hơi đốt than 2 tấn, máy bơm, bồn nước Inox)	Bộ	01	379.375.090	201.380.624	177.994.466
25	Máy cắt đĩa	Cái	01	75.000.000	43.718.040	31.281.960

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

26	Cối thủy lực	Cái	01	75.000.000	39.811.790	35.188.210
27	Máy sang cuộn	Cái	01	422.857.800	224.462.050	198.395.750
28	Sàng rung	Cái	01	16.000.000	8.492.596	7.507.404
29	Lô dắt nước	Cái	01	23.840.000	12.654.448	11.185.552
30	Sàn tắc rác	Cái	01	22.285.714	11.133.153	11.152.561
31	Dàn hồ 7 lớp sử dụng ben hơi	Cái	01	55.000.000	11.772.500	43.227.500
32	Máy nén khí Piston Fusheng HTA-100H	Cái	01	56.120.400	11.243.115	44.877.285
33	Máy đục lỗ	Cái	01	16.740.584	16.740.584	-
34	Máy cắt cán lằn 2 dao nhỏ	Cái	01	12.335.166	12.335.166	-
35	Máy sản xuất túi PE	Cái	01	115.747.500	115.747.500	-
36	Tủ sấy tờ giấy PTN JSK-304	Cái	01	30.750.000	1.190.003	29.559.997
37	Máy đo độ bục giấy PN-BSM160	Cái	01	74.100.000	2.486.946	71.613.054
38	Máy đóng ghim	Cái	01	18.918.030	18.918.030	-
39	Máy bế hộp nhỏ	Cái	01	21.411.999	21.411.999	-
40	Máy tách sợi kép ZDFFI	Cái	01	101.159.100	55.805.374	45.353.726
41	Lọc cát nồng độ cao ZSCI	Cái	01	55.396.650	30.559.612	24.837.038
42	Máy bế hộp lớn	Cái	01	71.050.000	71.050.000	-
43	Máy (đầu) nghiền đĩa phi 450 (ĐT)	Cái	01	47.250.000	34.269.624	12.980.376
44	Máy cột dây Đài Loan	Cái	01	25.146.667	12.038.656	13.108.011
45	Máy xẻ rãnh QC 1200x2400 mm	Cái	01	130.443.048	62.447.807	67.995.241
46	Thiết bị lọc cát kiểu GXHC II	Cái	01	61.677.000	24.545.335	37.131.665
47	Máy cắt	Cái	01	651.852.227	339.227.219	312.625.008

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

48	Đầu E máy carton	Cái	01	497.621.665	253.781.148	243.840.517
49	Lô ép cuộn giấy carton	Cái	01	41.484.215	18.131.609	23.352.606
50	Máy bồi	Cái	01	26.000.000	26.000.000	-
51	Máy in Flexo 4 màu (NMBB)	Cái	01	974.900.788	537.809.052	437.091.736
52	Máy in flexo 2 màu model SMP-5	Cái	01	648.000.000	128.712.440	519.287.560
53	Máy nén khí	Cái	01	29.000.000	18.717.013	10.282.987
54	Máy khắc laser	Cái	01	294.345.625	72.779.766	221.565.859
55	Máy cắt giấy đã qua sử dụng	Cái	01	30.800.000	28.926.303	1.873.697
56	Lọc cát nồng độ thấp 606	Cái	01	14.451.300	7.972.232	6.479.068
57	Máy ép bành (đã qua sử dụng)	Cái	01	810.000.000	177.534.080	632.465.920
58	Máy cắt đĩa	Cái	01	85.000.000	19.037.940	65.962.060
59	Máy khoan bàn 1,5m	Cái	01	11.000.000	267.457	10.732.543
60	Máy xeo giấy	Cái	01	58.409.624.770	960.158.250	57.449.466.520
61	Hệ thống SX bột giấy	Bộ	01	40.066.144.066	658.621.530	39.407.522.536
62	Hệ thống gia keo	Bộ	01	983.780.317	16.171.740	967.608.577
63	Máng thu hồi nước	Cái	01	354.927.213	17.503.290	337.423.923
64	Quạt hút ẩm	Cái	07	409.846.666	20.211.660	389.635.006
65	Quạt hút giấy biên máy sang cuộn	Cái	01	62.146.176	3.064.770	59.081.406
66	Băng tải giấy nguyên liệu	Cái	01	995.014.124	24.534.630	970.479.494
67	Hệ thống điều khiển truyền động	Bộ	01	3.640.348.508	89.762.040	3.550.586.468
68	Hệ thống khí nén	Bộ	01	1.064.770.576	26.254.620	1.038.515.956
69	Lò hơi	Cái	02	5.128.938.286	126.466.920	5.002.471.366
70	Hệ thống cấp hơi	Bộ	01	1.843.490.306	56.819.880	1.786.670.426

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

71	Hệ thống điện động lực	Bộ	01	5.526.491.974	136.269.630	5.390.222.344
72	Bơm hút chân không PL4000	Cái	03	2.555.031.629	78.750.900	2.476.280.729
73	Bơm hút chân không PL650	Cái	02	363.006.136	11.188.620	351.817.516
74	Bơm hút chân không PL2500	Cái	01	579.131.176	17.849.970	561.281.206
75	Hệ thống kiểm tra chất lượng QCS	Bộ	01	2.745.367.077	67.693.950	2.677.673.127
76	Hệ thống xử lý tuyển nổi	Bộ	01	1.154.383.702	28.464.300	1.125.919.402
77	Cần trục 20 tấn	Cái	01	1.417.263.049	17.473.140	1.399.789.909
78	Cần trục 10 tấn	Cái	01	937.742.925	11.561.220	926.181.705
79	Máy ren răng	Cái	01	30.445.752	2.502.360	27.943.392
80	Máy ép bùn 500mm	Cái	01	437.013.645	21.551.400	415.462.245
81	Máy ép bùn 1700mm	Cái	01	245.322.504	12.098.070	233.224.434
82	Sàn rút cont	Cái	01	302.870.831	7.468.020	295.402.811
83	Máy kiểm tra độ nén giấy	Cái	01	218.038.426	10.752.570	207.285.856
84	Máy kiểm tra độ ẩm giấy	Cái	01	72.642.394	3.582.360	69.060.034
85	Máy bơm mỡ bằng hơi LAGG	Cái	01	25.453.000	2.092.050	23.360.950
86	Thiết bị điều khiển máy cắt cuộn	Cái	01	891.281.836	21.976.830	869.305.006
87	Lô ép giấy	Cái	01	940.676.379	23.194.800	917.481.579
88	Dây chuyền SX giấy carton	Bộ	01	12.913.725.626	212.280.390	12.701.445.236
89	Lô gia keo chống thấm	Cái	03	125.793.435	2.067.930	123.725.505
90	Hệ thống điện động lực (BB)	Bộ	01	748.475.134	16.320.558	732.154.576
91	Máy in 3 màu	Cái	01	4.451.621.418	73.177.380	4.378.444.038
92	Máy cán màng	Cái	01	69.885.241	1.723.230	68.162.011

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

93	Máy đóng ghim	Cái	01	35.748.989	881.460	34.867.529
94	Máy cột dây	Cái	04	172.025.210	4.241.880	167.783.330
95	Máy khắc laser	Cái	01	400.193.117	9.867.780	390.325.337
96	Máy nén khí 10kg/cm2	Cái	01	163.531.465	4.032.270	159.499.195
97	Máy nén khí 7kg/cm2	Cái	01	37.465.478	923.850	36.541.628
98	Máy sấy khô không khí	Cái	01	26.206.966	646.200	25.560.766
99	Máy dán thùng	Cái	01	118.267.332	2.916.180	115.351.152
100	Máy làm bảng in	Cái	01	60.208.823	1.484.640	58.724.183
101	Máy quấn óng lõi , máy chia cuồn	Cái	01	1.008.194.550	16.573.050	991.621.500
102	Lò hơi 5 tấn/giờ	Cái	01	1.290.189.073	39.766.140	1.250.422.933
103	Hệ thống cấp hơi	Bộ	01	702.075.415	34.622.910	667.452.505
104	Máy cắt decal GCC Expert 24	Cái	01	12.512.000	68.560	12.443.440
105	Máy dán thùng carton	Cái	01	120.000.000	328.768	119.671.232
III	***Phương tiện vận tải***					
01	Xe tải 71T 7031	Chiếc	01	115.399.000	33.723.064	81.675.936
02	Xe tải 71T 9370	Chiếc	01	168.439.000	49.222.749	119.216.251
03	Xe tải 71N 1688 (SM 830809)	Chiếc	01	495.226.091	29.211.198	466.014.893
04	Xe tải 71N 1405 (SM 833330)	Chiếc	01	495.226.092	29.211.198	466.014.894
05	Xe tải 71T 8792	Chiếc	01	329.278.727	112.390.562	216.888.165
06	Xe tải 71T 9033	Chiếc	01	373.455.286	119.510.853	253.944.433
07	Xe nâng (đã qua sử dụng)	Chiếc	01	164.832.380	164.832.380	-
08	Xe Mazda 4 chỗ 71T 8301	Chiếc	01	186.380.000	153.656.913	32.723.087
09	Xe nâng đã qua sử dụng HG	Chiếc	01	71.000.000	20.748.800	50.251.200

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

10	Xe tải 71C 001.84	Chiếc	01	320.536.507	146.802.500	173.734.007
11	Xe tải 71T 9252	Chiếc	01	375.863.325	112.681.445	263.181.880
12	Xe nâng 2,5T có kẹp giấy	Chiếc	01	291.640.476	156.875.575	134.764.901
13	Xe Toyota Hiace 16 chỗ (71T 0174)	Chiếc	01	507.896.476	88.221.100	419.675.376
14	Xe ô tô du lịch 5 chỗ hiệu KIA (71N 0764)	Chiếc	01	487.455.952	65.172.400	422.283.552
15	Xe nâng 4,5 tấn	Chiếc	01	457.250.490	18.791.100	438.459.390
16	Xe nâng kẹp	Chiếc	01	622.966.933	25.601.400	597.365.533
IV	***Thiết bị dụng cụ quản lý***					
01	Máy photocopy Aficio MP 2000 Le-Ricoh	Cái	01	38.095.238	14.272.375	23.822.863
02	Máy tính xách tay (P. KT)	Cái	01	14.067.273	2.011.788	12.055.485
03	Bộ ghế salon (7 bàn nhỏ, 3 bàn lớn, 14 ghế)	Bộ	01	14.310.000	12.153.740	2.156.260
04	Máy in brother MFC-9320CW	Cái	01	13.700.540	1.861.736	11.838.804
05	Máy lạnh (NMGC)	Cái	01	11.829.000	11.829.000	-
06	Máy photocopy (P.HCNS)	Cái	01	24.757.977	24.757.977	-
07	Máy photocopy E720	Cái	01	36.363.636	2.988.750	33.374.886
08	Máy vi tính xách tay	Cái	01	19.519.500	13.325.126	6.194.374
09	Máy lạnh (KT)	Cái	01	11.829.000	11.829.000	-
10	Máy vi tính GA-H55M, i5-650, 3,2GHz	Cái	01	15.363.636	799.710	14.563.926
11	Máy tính (P. KD)	Cái	01	10.380.952	10.373.793	7.159
12	Tủ hồ sơ 5800x400x2150 (P.KT)	Cái	01	14.900.000	12.654.448	2.245.552

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

13	Bàn họp (P.HCNS)	Cái	01	11.200.000	9.512.252	1.687.748
14	Máy chiếu Panasonic (P. HCNS)	Cái	01	14.910.690	11.669.656	3.241.034
15	Cân bàn điện tử	Cái	01	13.000.000	10.607.594	2.392.406
16	Máy vi tính (P .KD)	Cái	01	15.857.143	6.438.549	9.418.594
17	Máy vi tính	Cái	01	10.536.364	1.114.189	9.422.175
18	Cân điện tử 100 tấn	Cái	01	434.905.862	13.404.600	421.501.262
19	Cân điện tử 3 tấn	Cái	02	60.891.504	3.002.940	57.888.564
20	Máy vi tính	Cái	01	17.564.857	1.443.690	16.121.167
21	Máy lạnh LG 2,5HP	Cái	04	60.658.327	4.985.640	55.672.687
22	Máy lạnh 2,5HP (BB2)	Cái	01	14.003.006	690.570	13.312.436
5	***Tài sản khác***					
01	Cây xanh			193.710.000	5.970.510	187.739.490
B	***Tài sản cố định vô hình***					
01	Phần mềm máy vi tính		01	119.393.750	38.372.473	81.021.277
	Tổng cộng			**291.108.597.883**	**19.865.870.691**	**271.242.727.192**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre)

6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty xác định và tập trung phát triển hai mặt hàng mục tiêu chiến lược đó là: sản xuất kinh doanh giấy – bao bì giấy carton và nuôi trồng – chế biến thủy sản xuất khẩu. Phương châm hành động *"Khép kín quá trình sản xuất kinh doanh – phát triển qui mô năng lực sản xuất"*

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm giấy công nghiệp, bao bì giấy carton thông qua việc đưa vào khai thác Nhà máy giấy Giao Long giai đoạn I công suất 180 tấn/ngày và dự kiến giai đoạn II với công suất 300 tấn/ngày sẽ được triển khai vào cuối năm 2011. Song song đó hoàn thiện chỉnh trang cơ sở vật chất thõa mãn điều kiện chế biến thực phẩm hải sản công ty con (Beseaco) đẩy mạnh phát triển hai dòng sản phẩm mục tiêu nghêu và cá tra.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

a. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Đối với lĩnh vực sản xuất giấy và bao bì Công ty đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do Trung tâm Quacert chứng nhận năm 2005, hiện tại công ty đang tiếp tục triển khai áp dụng hệ thống ISO 9001-14001, dự kiến được đánh giá chứng nhận vào cuối năm 2011 . Chất lượng sản phẩm là trọng tâm luôn được Công ty chú trọng làm nền tảng phát triển thương hiệu và sự tồn tại phát triển công ty bền vững.

Đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản, Công ty đang áp dụng nuôi trồng theo quy trình hướng dẫn nuôi cá tra của Viện III Bộ thủy sản cho hoạt động nuôi trồng tại trại cá. Bộ phận kỹ thuật luôn thực hiện việc kiểm soát chất lượng cá nuôi trong từng thời kỳ tăng trưởng. Hướng tới công ty áp dụng hệ thống GAP trong nuôi trồng.

Đối với hoạt động kinh doanh chế biến thủy hải sản, hiện nay Beseaco đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 cùng các tiêu chuẩn HACCP, SSOP, GMP, MSC và đang triển khai hệ thống ISO 9001-14001.

b. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm từ khâu nhập nguyên liệu cho đến thành phẩm đều được thực hiện bởi bộ phận kiểm tra chất lượng (KCS). Ngoài ra Ban giám đốc các nhà máy và Ban điều hành các ca sản xuất cũng chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng ngay tại các công đoạn sản xuất từng sản phẩm của Công ty.

Công ty trang bị đầy đủ các công cụ, thiết bị hỗ trợ kiểm tra trong quá trình sản xuất và tiếp nhận nguyên liệu đầu vào.

Đối với sản phẩm cá tra nuôi trồng, Công ty quy định trước khi thu hoạch khoảng 10-15 ngày sẽ lấy mẫu cá đến Trung tâm kiểm nghiệm độc lập để kiểm tra chất lượng cá nuôi. Nếu kết quả đạt sẽ tiến hành thu hoạch, nếu không đạt sẽ phân công bộ phận kỹ thuật tiến hành các biện pháp xử lý đến khi đạt yêu cầu mới cho thu hoạch.

6.8 Hoạt động Marketing

Hoạt động tiếp thị của Công ty được thực hiện bởi các cán bộ tiếp thị chuyên nghiệp và khối kế hoạch kinh doanh của Công ty, đồng thời chịu sự điều hành lãnh đạo trực tiếp từ Tổng Giám đốc.

Công ty chủ trương đa dạng hóa khách hàng, đa dạng hóa thị trường. Do đặc tính hoạt động kinh doanh của Công ty là loại hình sản xuất và cung cấp dịch vụ, Công ty dùng phương pháp quản bá thương hiệu trực tiếp là chủ yếu, thông qua bộ phận Marketting do Tổng Giám đốc phụ trách chỉ đạo thu thập thông tin thị trường, khách hàng và đối thủ cạnh tranh. Tập hợp phân tích chọn lọc thực hiện công việc chăm sóc khách hàng, quảng

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

bá chi tiết về các sản phẩm nhất là ưu thế về chất lượng sản phẩm và cung cấp dịch vụ, đàm phán thiết lập quan hệ kinh doanh. Bên cạnh đó, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các hội chợ trong và ngoài nước để cung cấp thông tin về Công ty và các sản phẩm gây sự chú ý của khách hàng tiềm năng, đánh bóng thương hiệu.

Về chính sách giá cả, Công ty dựa vào chi phí sản xuất thực tế, mặt bằng giá bán của các đối thu cạnh tranh, kết quả đàm phán với từng khách hàng để có những chính sách giá cả hợp lý và linh động đảm bảo lợi ích khách hàng và Công ty. Bên cạnh đó Công ty lấy mục tiêu giảm giá thành làm nền tảng xác định giá bán ổn định liên tục lâu dài.

6.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

a. Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Thương hiệu đăng ký : DOHACO

Logo :

Thời gian bảo hộ : đến 30/06/2013

Cơ quan cấp : Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam cấp ngày 02/11/2004

Giấy chứng nhận bảo hộ số : 4-0058226-000

b. Nhà máy Giấy giao long:

Thương hiệu đang ký: GIAO LONG PAPER

Logo :

Thời gian bảo hộ : đến 18/01/2018

Cơ quan cấp : Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam cấp ngày 01/07/2009

Giấy chứng nhận bảo hộ số : 128482

c. Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre

Thương hiệu đăng ký : BESEACO

Logo :

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Thời gian bảo hộ : đến 03/02/2019

Cơ quan cấp : Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam cấp ngày 03/02/2010

Giấy chứng nhận bảo hộ số : 150773

6.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Hiện tại công ty đang có quan hệ thương mại với nhiều khách hàng trong nước và ngoài nước, trong đó có một số khách hàng tiêu biểu như:

TT	Tên khách hàng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng (VNĐ)
01	Công ty TNHH Vĩnh Xuân	03/01-31/12/2011	Giấy công nghiệp	4.843.037.87
02	Công ty TNHH giấy Yuen Foong Yu VN	02/01-31/12/2011	Giấy công nghiệp	10.863.267.250
03	Công ty TNHH giấy Yuen Foong Yu ĐN	01/01-31/12/2011	Giấy công nghiệp	7.915.327.750
04	Công ty TNHH Gia Đạt Huy	01/02-31/12/2011	Giấy công nghiệp	2.966.970.356
05	Công ty TNHH Box – Pak VN	03/01-31/12/2011	Giấy công nghiệp	1.668.368.020
06	DNTN Hiệp Lực	06/01-31/12/2011	Giấy công nghiệp	2.782.507.090
07	Công ty TNHH Duhal	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	647.036.720
08	Công ty TNHH QC Ánh Sáng	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	530.356.145
09	Nguyễn Minh Hằng	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	1.388.203.300
10	Công ty CP NTS Việt Phú	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	1.043.660.475
11	Công ty CP Docifish	24/01-31/12/2011	Bao bì carton	594.622.765
12	Công ty CP chế biến thực phẩm Sông Hậu	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	849.406.800
13	Công ty TNHH Hùng Cá	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	1.042.479.900
14	Công ty CP Thủy sản Trường Giang	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	525.448.825

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

15	Công ty TNHH Thủy sản Quang Minh	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	977.509.500
16	Công ty nông sản TP Trà Vinh	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	1.060.402.200
17	Công ty TNHH Thủy sản Nam Phương	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	631.861.450
18	Công ty TNHH Thuận Hưng	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	1.341.399.120
19	Công ty TNHH Thủy sản Phát Tiến	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	780.907.050
20	Công ty TNHH MTV chế biến thủy sản Hoàng Long	03/01-31/12/2011	Bao bì carton	1.144.126.500
21	Công ty CP Thủy sản Vinh Quang	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	758.960.510
22	Công ty TNHH Thủy sản Phương Đông	02/01-31/12/2011	Bao bì carton	1.320.876.700

Công ty ký với khách hàng hợp đồng nguyên tắc theo từng năm, dựa trên giá nhiên liệu đầu vào, giá bán dịch vụ được thể hiện và điều chỉnh trong phụ lục theo từng thời điểm khác nhau.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1 Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

a. Công ty Dohaco

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2010	Quý I/2011
Tổng tài sản	334.191	470.050	488.630
Doanh thu thuần	117.579	193.802	57.555
Lợi nhuận từ HĐKD	19.322	33.929	2.680
Lợi nhuận khác	200	218	133
Lợi nhuận trước thuế	19.522	34.147	2.814
Lợi nhuận sau thuế	17.339	25.635	2.497

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Cổ tức	14%	15%	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của Dohaco năm 2009, 2010 và báo cáo tài chính quý I/2011 của Công ty)

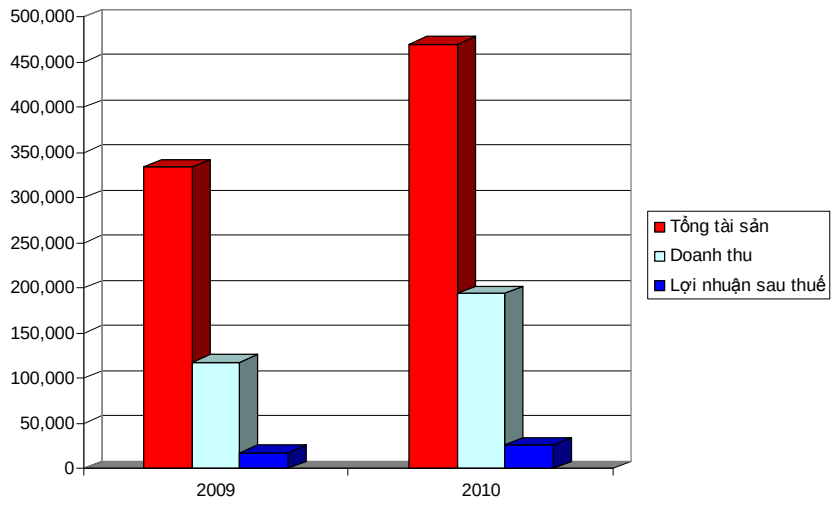

b. Hợp nhất Dohaco + Beseaco

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2010	Quý I/2011
Tổng tài sản	400.439	547.654	563.482
Doanh thu thuần	219.764	389.726	116.196
Lợi nhuận từ HĐKD	17.915	38.375	7.689
Lợi nhuận khác	747	47	16
Lợi nhuận trước thuế	18.662	38.423	7.706
Lợi nhuận sau thuế	16.667	28.867	6.100

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2009, 2010 và báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2011 của Công ty)

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

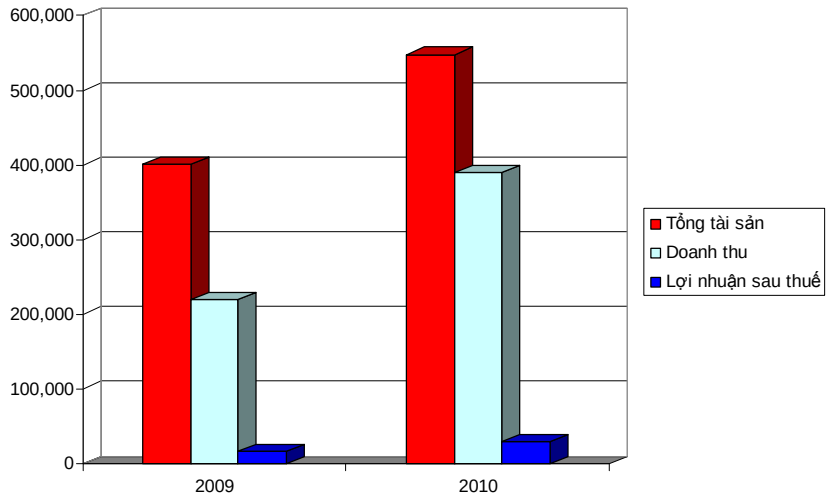

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

a. Thuận lợi

Cả hai lĩnh vực chiến lược mà Công ty phát triển là sản xuất giấy công nghiệp-bao bì carton và chế biến thủy sản xuất khẩu đều là một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn, được Nhà nước và chính quyền tỉnh Bến tre khuyến khích phát triển, phù hợp xu hướng phát triển thời đại và có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định theo dòng thời gian.

Tiềm năng phát triển của ngành sản xuất công nghiệp giấy là rất lớn đặc biệt là nhu cầu bao bì carton phục vụ cho việc bao gói các sản phẩm hàng hóa. Hiện nay, đi cùng với sự phát triển của nền kinh tế là sự phát triển của các ngành sản xuất, vì vậy mà nhu cầu tiêu thụ giấy công nghiệp, bao bì carton trong nước ngày càng tăng trong khi đó khả năng đáp ứng của các nhà sản xuất lại hạn chế chỉ mới đáp ứng khoảng 60% nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Trình độ công nghệ được đầu tư mới hiện đại và tự động hóa, công suất hoạt động các dây chuyền sản xuất luôn được Công ty chú trọng đầu tư phát triển nhảy vọt với quy mô sản xuất giấy ban đầu chỉ có công suất là 7.500 tấn/năm được nâng lên gần 60.000 tấn/năm dự kiến cuối năm 2011 Công ty sẽ triển khai đầu tư dây chuyền mới (giai đoạn II) có công suất thiết kế 90.000 tấn/năm. Tại các phân xưởng chế biến nghêu và cá tra thường xuyên được đầu tư nâng cấp và mở rộng quy mô công suất hoạt động.

Công ty đã chủ động trong việc khai thác nguồn nguyên liệu cá tra với quy trình sản xuất khép kín từ khâu nuôi trồng con giống, xây dựng phân xưởng chế biến thức ăn tại chỗ phục vụ trại nuôi, đến chế biến lưu trữ kho lạnh và xuất khẩu.

Công ty có tập thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, tận tụy, gắn bó đồng hành cùng các mục tiêu chiến lược của Đại hội cổ đông thông qua. Đây được xem là nhân tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển nhảy vọt trong nhiều năm qua.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

b. Khó khăn

Hoạt động các nhà máy của Công ty phát sinh nhiều chất thải, nên chi phí cho vấn đề xử lý rác thải, vệ sinh môi trường...tăng cao sẽ ảnh hưởng đáng kể đến chi phí sản xuất của Công ty.

Hoạt động của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ sự biến động của nền kinh tế, vì vậy giai đoạn 2009 - 2010 khi kinh tế Việt Nam cũng như thế giới khủng hoảng đã tác động đến doanh thu và chi phí đầu vào của Công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác

8.1 Triển vọng của ngành

a. Triển vọng phát triển ngành giấy

Theo thống kê của Hiệp hội giấy Việt Nam, ngành giấy đã có tốc độ tăng trưởng cao và liên tục trong những năm vừa qua. Từ năm 2003 đến năm 2006, tốc độ tăng trưởng là 28%/năm. Dự kiến ngành giấy sẽ tăng trưởng ở mức 15% - 20% hàng năm trong những năm tới.

Các sản phẩm giấy và bao bì carton đang dần được sử dụng để thay thế một số các sản phẩm làm từ nhựa, gỗ, kim loại..., và do có ưu điểm có thể tái sử dụng nhiều lần, đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường, giá cả cạnh tranh, sản phẩm đa dạng, tiện dụng... Do vậy, các loại sản phẩm này ngày càng được sử dụng rộng rãi trong đời sống sinh hoạt con người, bao gói bảo quản hàng hóa trong lưu thông, kéo theo nhu cầu sử dụng ngày càng tăng.

Nhu cầu sử dụng giấy ở các nước phát triển bình quân khoảng 200 - 250kg/người/năm, trong khi đó tại các nước đang phát triển (trong đó có Việt Nam) nhu cầu tiêu thụ giấy bình quân khoảng 20kg-50kg/người/năm. Do vậy xu hướng tăng trưởng của ngành giấy và bao bì carton hàng năm được dự kiến sẽ còn tăng trưởng mạnh, đặc biệt là sự bùng nổ kinh tế ở các nước Trung Quốc, Ấn độ và các nước trong khu vực Đông Nam Á sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ giấy và bao bì carton tăng trưởng bình quân 20 – 30% hàng năm. Có thể thấy ngành giấy ở Việt Nam là còn nhiều tiềm năng để phát triển.

b. Triển vọng phát triển ngành thủy sản xuất khẩu

Đối với lĩnh vực thủy sản, sản phẩm thủy sản nuôi trồng chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng sản lượng thủy sản cả nước. Riêng trong sản phẩm nuôi trồng, ngoài tôm là sản phẩm có sản lượng thấp nhưng giá trị cao thì cá tra và cá basa là sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam hiện nay (Việt Nam hiện là quốc gia duy nhất trên thế giới xuất khẩu cá tra, cá basa); riêng sản phẩm nghêu trắng là loài nhuyễn thể hai mảnh vỏ giàu dinh dưỡng được người tiêu dùng trong và ngoài nước ưu chuộng, đặc biệt nghêu trắng tại Bến Tre và Beseaco được hội đồng biển quốc tế chứng nhận MSC.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Bên cạnh đó, cá là loại thực phẩm phục vụ thiết yếu đời sống con người hàng ngày, đặc biệt sản phẩm cá tra đã được tổ chức FAO liên hiệp quốc ghi nhận là một trong bốn loại thủy sản được cả thế giới công nhận. Theo thông tin từ FIS, mạng thủy sản chuyên ngành quốc tế, thủy sản các tra, basa Việt Nam đã làm thay đổi thói quen tiêu dùng cá thịt trắng ở Mỹ, EU, Nga. Trong 10 năm qua, cá tra, basa Việt Nam có tốc độ tăng trưởng từ 22.000 tấn năm 1977, đã tăng lên 800.000 tấn vào năm 2006.

Theo kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2010 kim ngạch xuất khẩu dự kiến đạt 4 tỷ USD và đến năm 2020 còn số này sẽ đạt gần 5 tỷ USD; mức tăng trưởng xuất khẩu trung bình sẽ đạt 10,63%/năm. Dự kiến khi đó kim ngạch xuất khẩu cá tra có thể đạt đến con số > 1 tỷ USD

8.2 Vị thế của Công ty trong ngành giấy và bao bì

Hiện nay, thị trường tiêu thụ chính cho sản phẩm giấy và bao bì carton của Công ty là khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), tam giác Đông Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh. Đây là khu vực kinh tế trọng điểm của cả nước – nơi tập trung nhiều doanh nghiệp sản xuất chế biến công nghiệp, xuất khẩu có nhu cầu sử dụng các sản phẩm giấy và bao bì carton tập trung lớn nhất cả nước.

Đối với thị trường ĐBSCL, Công ty chiếm khoảng 20% thị phần cho sản phẩm bao bì carton. Khu vực này có trên 500 doanh nghiệp chế biến thủy hải sản lớn và trên 1.200 doanh nghiệp sản xuất chế biến nông sản thực phẩm và nhiều doanh nghiệp sản xuất hàng công nghiệp khác, vì vậy tiềm lực của thị trường này là rất lớn.

Đối với thị trường thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ, đây là trong hai thị trường trọng điểm của Công ty, sản phẩm giấy công nghiệp của Công ty sẽ phát triển bền vững tại thị trường này. Thị phần của Công ty tại khu vực này chiếm 12% .

Ngoài ra, Công ty cũng mở rộng thị trường tiêu thụ ra miền Bắc, đồng thời chú trọng mở rộng và nâng cao tỷ trọng xuất khẩu.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới đối với lĩnh vực thủy sản.

Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 10/2006-QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2006 phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 với mục tiêu của Chính phủ là xây dựng ngành thủy sản thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, có sức cạnh tranh cao, có kim ngạch xuất khẩu lớn, có khả năng tự đầu tư phát triển, góp phần đáng kể vào việc phát triển kinh tế xã hội với kim ngạch xuất khẩu cao.

Xét trên phạm vi thị trường thủy sản thế giới, khối lượng mặt hàng thủy sản được tiêu thụ ngày càng nhiều hơn, người tiêu dùng ngày càng tin dùng sản phẩm thủy sản, trong đó cá

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

tra là loại thực phẩm có lợi cho sức khỏe so với gia súc, gia cầm vốn đang ngày càng phát hiện nhiều căn bệnh dịch nguy hiểm. Theo dự báo thì hàng năm thế giới sẽ phải tăng ít nhất 2 triệu tấn thủy sản nhằm đáp ứng nhu cầu thực phẩm trên đà gia tăng.

Với những yếu tố trên, có thể thấy định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với định hướng của ngành chính sách nhà nước và xu thế chung của thế giới.

9. Chính sách với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty tại thời điểm 31/3/2011:

STT	Khoản mục	Số người
A	**Theo hợp đồng**	**296**
	Hợp đồng không xác định thời hạn	46
	Hợp đồng có thời hạn 1-3 năm	220
	Hợp đồng thời vụ	30
	Chưa ký hợp đồng lao động	0
B	**Theo trình độ**	**296**
	Lao động có trình độ đại học	31
	Lao động có trình độ cao đẳng	16
	Lao động có trình độ trung cấp, kỷ thuật	75
	Lao động phổ thông	174

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre)

9.2 Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

« Thời gian làm việc:

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Tuy nhiên, khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì các ca sản xuất có thể thay đổi thời gian làm việc trong ngày cho hợp lý hoặc làm thêm giờ và Công ty có những quy định bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

« Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:

Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12, 14 hoặc 16 ngày/năm tùy theo điều kiện làm việc. Ngoài ra, cứ mỗi 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Các ngày nghỉ lễ:

- Tết dương lịch (ngày 01/01 dương lịch)
- Tết âm lịch
- Ngày giỗ tổ Hùng Vương (mùng 10/3 âm lịch)
- Ngày chiến thắng (30/4)
- Ngày quốc tế lao động (01/5)
- Ngày quốc khánh (02/9)

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Để hoàn thiện nâng cao chất lượng nhân sự, thu hẹp khoảng cách nhu cầu phát triển Công ty, năm 2011 Công ty lập kế hoạch tuyển dụng mới bổ sung vào các bộ phận thiếu nhất là các nhà máy sản xuất... đồng thời thay thế nhân sự không phù hợp đã thuyên chuyển hoặc sa thải. Việc tuyển dụng tuân thủ theo thủ tục ISO do Giám đốc nhân sự trực tiếp chủ động quan hệ với các trường đào tạo, các trung tâm giới thiếu việc làm, các đơn vị cá nhân môi giới đặt hàng mời gọi đúng các vị trí yêu cầu, mặt khác tiếp nhận và phỏng vấn người lao động trực tiếp đến xin việc tại Công ty. Tiếp tục rà soát điều chỉnh các chính sách nhân sự về tuyển dụng, tiền lương, các chính sách khác..., nhằm thu hút nhân lực có chất lượng theo yêu cầu.

Năm 2011 Công ty có kế hoạch đào tạo và tái đào tạo nhân sự, tập trung ưu tiên cho chuyên đề nâng cao kỷ năng quản trị nhân sự cho cán bộ chủ chốt các phòng ban và điều hành tổ ca sản xuất, chiến lược marketing, chiến lược xây dựng quảng bá thương hiệu cho khối kinh doanh, đào tạo quy trình công nghệ sản xuất nâng cao tay nghề công nhân. Thực hiện kế hoạch đào tạo theo hai phương án: gửi đi đào tạo bên ngoài và mời chuyên gia đến hoặc tự tổ chức đào tạo tại chỗ

Kế hoạch đào tạo nhân sự trong năm 2011

STT	Nội dung đào tạo	Đối tượng đào tạo	Số lượng đào tạo (người)	Thời gian đào tạo	Kinh phí (1.000 đồng)	Hình thức đào tạo
01	Đào tạo lại kỹ năng quản trị nhân sự	Ban giám đốc các nhà máy, phòng ban, điều hành ca, tổ và nhân viên nhân sự	45	Quý II/2011	70.000	Thuê chuyên gia bên ngoài về đào tạo
02	Đào tạo kỹ năng vận hành lò hơi, kỹ năng vận hành	Khối sản xuất các nhà máy	200	Quý II/2011	80.000	Thuê chuyên gia bên ngoài và tự đào tạo

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

	máy móc thiết bị mới nhà máy Giao Long, nhà máy Bao bì Số 2					tại chỗ
03	Đào tạo kỹ năng Marketing, xây dựng quảng bá thương hiệu	Ban giám đốc các nhà máy, các nhân viên kinh doanh, điều hành sản xuất và KCS	30	Quý II/2011	80.000	Thuê chuyên gia bên ngoài đài tạo hoặc đào tạo bên ngoài
04	Nâng cao trình độ chuyên môn	Cán bộ lãnh đạo chủ chốt các phòng, ban	10	Trung hạn	100.000	Đào tạo tại các trường đại học
05	Đào tạo kỹ năng giao tiếp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp	Ban giám đốc công ty, các nhà máy, các nhân viên quản lý, tài xế và cán bộ điều hành sản xuất	60	Quý III/2011	40.000	Thuê chuyên gia bên ngoài về đào tạo
06	Đào tạo nâng cao năng lực điều hành quản ly	Ban giám đốc và các trưởng ca sản xuất	25	Quý I/2011	40.000	Thuê chuyên gia bên ngoài về đào tạo
	Tổng cộng				410.000	

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

« Chính sách tiền lương: Công ty xây dựng thực hiện chính sách tiền lương cho người lao động theo chế độ lương sản phẩm., phương án phân phối tiền lương trên nguyên tắc "người lao động tự quyết định và tự biết tiền lương của mình". Với chính sách và phương án trên đã đảm bảo tính công bằng và thật sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và đồng thời phát triển môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh.

« Chính sách khen thưởng: Công tác khen thưởng được thực hiện định kỳ 6 tháng hoặc 1 năm. Công ty sẽ tổ chức tổng kết thi đua, khen thưởng cho CBCNV dựa trên các mục tiêu kế hoạch được đề ra. Ngoài ra, Công ty còn khen thưởng đột xuất cho những đơn vị, cá nhân có phát minh sáng kiến cải tiến kỹ thuật, có thành tích lao động vượt trội nhằm khuyết khích tinh thần thi đua lao động, tạo động lực cho mỗi

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

cá nhân có điều kiện phát huy khả năng lao động sáng tạo, thúc đẩy nâng cao năng suất lao động

« Chính sách trợ cấp: Ban lãnh đạo Công ty phối hợp với tổ chức công đoàn quan tâm sâu sát đến đời sống của người lao động: đại thọ cho bữa ăn giữa ca, thường xuyên tổ chức thăm hỏi gia đinh CBCNV vào dịp lễ, Tết, ốm đau, bệnh tật, cho vay tiền không tính lãi đối với người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Công ty, Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng kinh doanh của những năm tiếp theo.

Qua các năm, Công ty đã hoạt động có hiệu quả cao. Năm 2009 cổ tức được chia đợt 1 là 10% bằng cổ phiếu, đợt 2 là 4% bằng tiền mặt, năm 2010 cổ tức là 15%, đợt 1 là đã tạm ứng 6%, đợt 2 là 9%. Năm 2011 dự kiến kế hoạch là 18%.

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chi tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Trước năm 2009, Công ty thực hiện trích khấu hao theo quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng. Kể từ năm 2010 Công ty thực hiện trích khấu hao theo quy định của Thông tư 203/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2010

NHÓM TÀI SẢN	THỜI GIAN KHẤU HAO
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 35 năm
Máy móc thiết bị	04 – 20 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	05 – 8 năm
Tài sản cố định vô hình khác	05 – 11 năm

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

b. Mức lương bình quân

Mức thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty có xu hướng tăng qua các năm, cụ thể năm 2008 là 2.324.000 đồng/người/tháng, năm 2009 là 3.065.000 đồng/người/tháng, năm 2010 là 3.794.576 đồng/người/tháng, dự kiến năm 2011 là 4.401.709 đồng/người/tháng.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 – 2010, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

d. Các khoản phải nộp theo quy định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

e. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Đến 31/12/2010 Công ty đã trích lập các quỹ theo tỷ lệ của lợi nhuận sau thuế như sau:

CHỈ TIÊU	TỶ LỆ
Quỹ đầu tư phát triển	14,48%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,5%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2010)

f. Tổng dư nợ vay

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2009	NĂM 2010	Quí I/2011
Vay ngắn hạn	91.083	171.327	157.355
Vay dài hạn	98.074	97.121	90.203

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2009, 2010 và báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2011)

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

g. Tình hình công nợ hiện nay

« Các khoản phải thu:

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2009	NĂM 2010	Quí I/2011
Phải thu của khách hàng	38.225	66.469	37.016
Trả trước cho người bán	34.996	9.516	8.321
Các khoản phải thu khác	307	364	974
Dự phòng phải thu khó đòi	(312)	(165)	(165)
Phải thu dài hạn	945	-	254
Tổng cộng	**74.161**	**76.184**	**46.400**

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2009, 2010 và báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2011)

« Các khoản phải trả:

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2009	NĂM 2010	Quí I/2011
Vay và nợ ngắn hạn	91.083	171.327	157.356
Phải trả người bán	47.074	43.157	50.184
Người mua trả tiền trước	703	(3.425)	16.284
Thuế và các khoản phải nộp	2.196	6.767	7.019
Phải trả công nhân viên	2.094	5.696	3.752
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả đơn vị nội bộ	-	-	-
Phải trả phải nộp khác	1.277	2.639	19.797
Nợ dài hạn	98.086	97.121	90.205
Tổng cộng	**154.286**	**323.282**	**344.597**

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2009, 2010 và báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2011)

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2009	Năm 2010
1	**Khả năng thanh toán**			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,19	1,07
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,60	0,44
2	**Cơ cấu vốn**			
-	Hệ số nợ / Tổng nguồn vốn	%	60,57	59,07
-	VCSH / Tổng nguồn vốn	%	39,43	40,93
3	**Cơ cấu tài sản**			
-	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	43,03	44,08
-	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	56,97	55,92
4	**Khả năng sinh lời**			
-	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / doanh thu	%	8,49	9,86
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu	%	7,58	7,41
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	4,16	5,27
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / VCSH	%	10,56	12,88
5	**Mô hình DuPont**			
-	Hệ số Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,54	2,45
-	Hệ số Doanh thu/Tổng tài sản	Lần	0,55	0,71
-	Hệ số lãi trước thuế, trước lãi suất/Doanh thu	%	11,63	13,46
-	Hệ số lãi ròng/Lãi trước thuế, trước lãi suất	%	65,21	57,15
-	Lợi nhuận ròng/CP (EPS)	Đồng	2.045	2.658
-	Giá trị sổ sách/CP (BPS)	Đồng	19.740	14.923

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2009, 2010)

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

12.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT : Ông Đoàn Văn Đạo

Phó Chủ tịch HĐQT : Ông Lê Bá Phương

Thành viên HĐQT : Ông Nguyễn Văn Ly

: Ông Lữ Tấn Ninh

: Ông Lê Quang Hiệp

a. Chủ tịch HĐQT – Ông Đoàn Văn Đạo

Họ và tên	ĐOÀN VĂN ĐẠO
Giới tính	Nam
Ngày, tháng, năm sinh	01/5/1967
Nơi sinh	Tân Hưng – Ba Tri – Bến Tre
Số CMND	320809910
Nơi cấp	Công An Bến Tre Ngày cấp: 19/8/2003
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tân Hưng – Ba Tri – Bến Tre
Địa chỉ thường trú	125B, Đại Lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Số điện thoại liên lạc	(84-75) 3812093 – 0913886138
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Trung học kinh tế
Quá trình công tác	
- 1988 – 1994	Cán bộ kinh doanh Công ty Đông lạnh Thủy sản xuất khẩu Bến Tre.
- 1994 – 2003	Giám đốc Nhà máy bao bì trực thuộc Công ty

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

	Đông lạnh Thủy sản xuất khẩu Bến Tre.
- 2003 – 02/2008	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 3/2008 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
Chức vụ tại các tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre (Beseaco).
Số cổ phần nắm giữ	1.740.690 cổ phần (tỷ lệ 11,60%).
Số lượng cổ phần của người liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có.

b. Phó Chủ tịch HĐQT – Ông Lê Bá Phương

Họ và tên	LÊ BÁ PHƯƠNG.
Giới tính	Nam.
Ngày, tháng, năm sinh	20/11/1964.
Nơi sinh	Vĩnh Linh – Quảng Trị.
Số CMND	025177456
Nơi cấp	Công An TPHCM Ngày cấp: 04/8/2009.
Quốc tịch	Việt Nam.
Dân tộc	Kinh.
Quê quán	Phong Bình – Hương Điền – Thừa Thiên Huế.
Địa chỉ thường trú	A303, khu phố Nam Long 2, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Số điện thoại liên lạc	0903925719.
Trình độ văn hóa	12/12.
Trình độ chuyên môn	Đại học Ngoại thương.
Quá trình công tác	
- 1983 – 1987	Đi nghĩa vụ quân sự.
- 11/1987 đến nay	Làm việc tại Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Bến Tre.
Chức vụ hiện nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
Chức vụ tại các tổ chức khác	Trưởng văn phòng đại điện Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Bến Tre.
Số cổ phần nắm giữ	680.000 cổ phần (tỷ lệ 4,53%).
Số lượng cổ phần của người liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có.

c. Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Văn Ly

Họ và tên	NGUYỄN VĂN LY.
Giới tính	Nam.
Ngày, tháng, năm sinh	01/01/1954.
Nơi sinh	Xã Nghĩa Hùng – huyện Nghĩa Hưng – tỉnh Nam Định.
Số CMND	320004908.
Nơi cấp	Công An Bến Tre Ngày cấp: 07/7/2005.
Quốc tịch	Việt Nam.
Dân tộc	Kinh.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Quê quán	Xã Nghĩa Hùng – huyện Nghĩa Hưng – tỉnh Nam Định.
Địa chỉ thường trú	622D, ấp Phú Chiến, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Số điện thoại liên lạc	0908597541.
Trình độ văn hóa	12/12.
Trình độ chuyên môn	Trung cấp kinh tế.
Quá trình công tác	
- 1977 – 1982	Nhân viên Công ty Đông lạnh Thủy sản xuất khẩu Bến Tre.
- 1982 – 1994	Phó phòng kế hoạch kinh doanh Công ty Đông lạnh Thủy sản xuất khẩu Bến Tre.
- 1994 – 2003	Phó Giám đốc Nhà máy bao trì trực thuộc Công ty Đông lạnh Thủy sản xuất khẩu Bến Tre.
- 2003 – 5/2007	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 6/2007 – 02/2008	Thành viên HĐQT - Trưởng Ban quản lý dự án Nhà máy giấy Giao Long.
- 3/2008 – 9/2009	Thành viên HĐQT – Giám đốc dự án Nhà máy giấy Giao Long.
- 10/2009 – 8/2010	Thành viên HĐQT – Giám đốc dự án Nhà máy giấy Giao Long kiêm Giám đốc Nhà máy giấy Giao Long.
- 9/2010 – 10/2010	Thành viên HĐQT – Trưởng ban quản lý dự án
- 11/2010 đến nay	Thành viên HĐQT – Giám đốc dự án kiêm Giám đốc nhà máy Bao bì
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT – Giám đốc dự án kiêm Giám đốc Nhà máy Bao bì.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Chức vụ tại các tổ chức khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ	85.250 cổ phần (tỷ lệ 0,57%).
Số lượng cổ phần của người liên quan	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có.

d. Thành viên HĐQT – Lữ Tấn Ninh

Họ và tên	LỮ TẤN NINH.
Giới tính	Nam.
Ngày, tháng, năm sinh	02/10/1962.
Nơi sinh	Ninh Hòa – Khánh Hòa.
Số CMND	220375082.
Nơi cấp	Công An Khánh Hòa Ngày cấp: 18/11/1985.
Quốc tịch	Việt Nam.
Dân tộc	Hán.
Quê quán	Thị trấn Ninh Hòa – tỉnh Khánh Hòa.
Địa chỉ thường trú	415/53 Trần Phú, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
Số điện thoại liên lạc	0988888874.
Trình độ văn hóa	12/12.
Trình độ chuyên môn	Trung cấp chế biến thủy sản.
Quá trình công tác	
- 1995 – 2004	Giám đốc Công ty TNHH Thuận Kiều, chuyên doanh hàng hải sản tại Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

- 2004 – 2006	Định cư tại Úc.
- 2006 đến nay	Đầu tư nuôi cá tại Bến Tre.
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ	125.000 cổ phần (tỷ lệ 0,83%).
Số lượng cổ phần của người liên quan	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có.

e. Thành viên HĐQT – Lê Quang Hiệp

Họ và tên	LÊ QUANG HIỆP.
Giới tính	Nam.
Ngày, tháng, năm sinh	22/8/1955.
Nơi sinh	Bến Tre.
Số CMND	020263371.
Nơi cấp	Công An Tp. HCM Ngày cấp: 19/5/2005.
Quốc tịch	Việt Nam.
Dân tộc	Kinh.
Quê quán	Bến Tre.
Địa chỉ thường trú	177Bis – Lý Chính Thắng – phường 7 – quận 3 – thành phố Hồ Chí Minh.
Số điện thoại liên lạc	(84. 8) 38363807 – 39121291 - 0903801726.
Trình độ văn hóa	12/12.
Trình độ chuyên môn	Đại học.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Quá trình công tác	
- 1983 – 1985	Phó phòng kỹ thuật Liên hiệp Xí nghiệp Nhựa TP.HCM.
- 1985 – 1994	Giám đốc Xí nghiệp Quốc Doanh Nhựa TP.HCM
- 1994 – 2004	Giám đốc Công ty Nhựa Đô Thành TP.HCM.
- 2004 – tháng 4/2009	Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Đô Thành TP.HCM.
- Tháng 4/2009 đến nay	Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần kỹ nghệ Đô Thành TPHCM
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy Sản Bến Tre.
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Đô Thành TP.HCM.

Số cổ phần nắm giữ	875.000 cổ phần (tỷ lệ 5,83%).
Số lượng cổ phần của người liên quan	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

12.2 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát : Ông Lư Sanh Võ

Thành viên Ban kiểm soát : Ông Đoàn Quốc Thái

: Bà Đoàn Thị Đông

a. Trưởng Ban kiểm soát – Ông Lư Sanh Võ

Họ và tên	LƯ SANH VÕ.
Giới tính	Nam.
Ngày, tháng, năm sinh	02/9/1960.
Nơi sinh	Thành phố Hồ Chí Minh.
Số CMND	320073837.
Nơi cấp	Công An Bến Tre Ngày cấp: 18/12/2003.
Quốc tịch	Việt Nam.
Dân tộc	Kinh.
Quê quán	Xã Mỹ Thạnh An – thành phố Bến Tre – tỉnh Bến Tre.
Địa chỉ thường trú	196D, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Số điện thoại liên lạc	(84.75) 3823433 - 0913886241.
Trình độ văn hóa	12/12.
Trình độ chuyên môn	Đại học kinh tế.
Quá trình công tác	
- 1978 – 1982	Chỉ huy trưởng xã đội xã Mỹ Thạnh An – thành phố Bến Tre – tỉnh Bến Tre.
- 1982 – 1990	Công tác tại Cục thuế tỉnh Bến Tre.
- 1990 – 2003	Công tác tại Chi cục thuế thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

- 2003 -2/2011	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 3/2011 đến nay	Giám đốc nhân sự - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
Chức vụ hiện nay	Giám đốc nhân sự - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
Chức vụ tại các tổ chức khác	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre.
Số cổ phần nắm giữ	40.280 cổ phần (tỷ lệ 0,27%).
Số lượng cổ phần của người liên quan	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có.

b. Thành viên Ban kiểm soát – Ông Đoàn Quốc Thái

Họ và tên	ĐOÀN QUỐC THÁI.
Giới tính	Nam.
Ngày tháng năm sinh	22/11/1981.
Nơi sinh	Ấp 2 – xã Tân Hưng – Ba Tri – Bến Tre.
Số CMND	321085801.
Nơi cấp	Công An Bến Tre Ngày cấp: 26/10/2006.
Quốc tịch	Việt Nam.
Dân tộc	Kinh.
Quê quán	Ấp 2- xã Tân Hưng – Ba Tri – Bến Tre.
Địa chỉ thường trú	413B, khu phố 5, lộ Hàng Keo, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Số điện thoại liên lạc	(84.75) 2211657 - 0908737959.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Trình độ văn hóa	12/12.
Trình độ chuyên môn	Cao đẳng tài chính kế toán.
Quá trình công tác	
- 2003	Tốt nghiệp Cao đẳng Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- 11/2003 – 3/2007	Nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 3/2007 – 11/2008	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 12/2008 – 9/2009	Phó Giám đốc dự án Nhà máy giấy Giao Long – thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 10/2009 -10/2010	Phó Giám đốc dự án Nhà máy giấy Giao Long kiêm Phó Giám đốc Nhà máy Giấy Giao Long – thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 11/2010 đến nay	Phó Giám đốc dự án – Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
Chức vụ hiện nay	Phó Giám đốc dự án – thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ	38.750 cổ phần (tỷ lệ 0,26%).
Số lượng cổ phần của người liên quan	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

c. Thành viên Ban kiểm soát – Bà Đoàn Thị Đông

Họ và tên	ĐOÀN THỊ ĐÔNG.
Giới tính	Nữ.
Ngày tháng năm sinh	08/6/1957.
Nơi sinh	Vĩnh Linh – Quảng Trị.
Số CMND	024673525.
Nơi cấp	Công An TP.HCM Ngày cấp: 22/12/2006.
Quốc tịch	Việt Nam.
Dân tộc	Kinh.
Quê quán	Vĩnh Linh – Quảng Trị.
Địa chỉ thường trú	47-57 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Số điện thoại liên lạc	(84.8) 38262992 - 0903039927.
Trình độ văn hóa	10/10.
Trình độ chuyên môn	Đại học (Kỹ sư động cơ, Cư nhân kinh tế).
Quá trình công tác	
- 4/1981 – 5/1985	Nhân viên Xí nghiệp khoan khai thác nước ngầm Công ty XD CTN Số 2 – Bộ xây dựng.

- 6/1985 đến nay

  - Phó Giám đốc XN may 117 – Công ty kho vận Miền Nam, Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc CNTM Công ty kho vận Miền Nam.
  - Ủy viên BCH công đoàn thương mại du lịch Việt Nam, Chủ tịch công đoàn Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam.
  - Bí thư Đảng ủy Công ty, Phó Tổng Giám đốc Công ty.
  - Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam.
  - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần kho vận Miền Nam

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
Chức vụ tại các tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam.
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần (tỷ lệ 0,00%).
Số lượng cổ phần của người liên quan	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

12.3 Danh sách thành viên Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc : Ông Đoàn Văn Đạo

Kế toán trưởng – Quyền Giám đốc tài chính : Bà Lê Xuân Hoàng

a. Tổng Giám đốc – Ông Đoàn Văn Đạo

b. Kế toán trưởng – Quyền Giám đốc tài chính – Bà Lê Xuân Hoàng

Họ và tên	LÊ XUÂN HOÀNG.
Giới tính	Nữ.
Ngày tháng năm sinh	21/8/1970.
Nơi sinh	Thành phố Hồ Chí Minh.
Số CMND	320809153
Nơi cấp	Công An Bến Tre Ngày cấp: 16/4/2010
Quốc tịch	Việt Nam.
Dân tộc	Kinh.
Quê quán	Xã Hương Mỹ - huyện Mỏ Cày – tỉnh Bến Tre.
Địa chỉ thường trú	636C, ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Số điện thoại liên lạc	(84.75) 3815427 - 0918103881.
Trình độ văn hóa	12/12.
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính kế toán.
Quá trình công tác	
- 1991 – 5/1996	Kế toán tổng hợp Bảo Hiểm Y tế tỉnh Bến Tre.
- 6/1996 – 2003	Kế toán tổng hợp Nhà máy bao bì trực thuộc Công ty Đông lạnh Thủy sản xuất khẩu Bến Tre.
- 2003 – 02/2004	Kế toán trưởng, Phó phòng nghiệp vụ Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

- 3/2004 – 3/2007	Kế toán trưởng, quyền Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 4/2007 – 02/2008	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 3/2008 đến nay	Kế toán trưởng, quyền Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng, quyền Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ	18.750 cổ phần (tỷ lệ 0,13%).
Số lượng cổ phần của người liên quan	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

13. Tài sản

13.1 Giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/3/2011

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa vật kiến trúc	115.556.564.101	7.391.281.811	108.165.282.290
2	Máy móc thiết bị	199.062.079.915	23.559.810.147	175.502.269.768
3	Phương tiện vận tải	7.767.956.583	1.754.633.533	6.013.323.050
4	Thiết bị văn phòng	1.307.036.202	391.968.557	915.067.645
5	TSCĐ khác	193.710.000	5.970.510	187.739.490
6	TSCĐ vô hình	250.834.340	79.670.304	171.164.036
	Tổng cộng	**324.138.181.141**	**33.183.334.862**	**290.954.846.279**

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2011)

13.2 Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng

STT	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Thời gian bắt đầu sử dụng	Thời hạn	Loại hình	Ghi chú
1	457C Nguyễn Đình Chiểu, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	6.157.6	2003	30	Thuê	Nhà xưởng
2	457C Nguyễn Đình Chiểu, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	4.883,3	2005	50	Thuê	Nhà xưởng + văn phòng công ty
3	Khu công nghiệp Giao Long	103.767,0	2010	30	Thuê	Nhà xưởng

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

14.1 Kế hoạch kinh doanh

a. Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (Dohaco)

STT	Nội dung mục tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011	So với thực hiện năm 2010
01	Sản lượng sản xuất			
	- Giấy kraft các loại	Tấn	36.000	177%
	- Bao bì carton	M^2	16.000.000	170%
02	Doanh thu	Triệu đồng	369.600	191%
03	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	28.186	110%
04	Tài nguyên nhân lực	Người	390	132%
05	Thu nhập tiền lương bình quân	Đồng/người	4.401.709	116%
06	Dự kiến cổ tức chia cho cổ đông	%	18%	120%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre)

b. Hợp nhất Dohaco và Beseaco

STT	Nội dung mục tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011	So với thực hiện năm 2010
01	Sản lượng sản xuất			
	- Giấy kraft các loại	Tấn	36.000	177%
	- Bao bì carton	M^2	16.000.000	170%
	- Nghêu các loại	Tấn	4.000	121%
	- Cá tra fillet	Tấn	1.680	146%
	- Cá tra nuôi trồng	Tấn	5.000	156%
02	Doanh thu	Triệu đồng	632.508	162%
03	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	38.719	127%

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

04	Tài nguyên nhân lực	Người	940	134%
05	Thu nhập tiền lương bình quân	Đồng/người	3.542.975	105%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre)

14.2 Các biện pháp thực hiện

a. Đối với Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Công ty tiếp tục mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh, đầu tư nâng cấp các trang thiết bị, máy móc dây chuyền sản xuất giấy cuộn công nghiệp, bao bì carton nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường, dự kiến tới năm 2013 nâng tổng năng lực sản xuất giấy kraft công nghiệp lên 150.000 tấn/năm; bao bì carton lên 40.000.000 m^2/năm.

Cùng với việc mở rộng quy mô sản xuất, Công ty tiếp tục mở rộng thêm các đại lý cung ứng giấy vụn tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và ven thành phố hồ chí minh, nhằm đảm bảo nguyên liệu đầu vào cho các dây chuyền sản xuất giấy.

Tiếp tục hoàn thiện và tuân thủ nghiêm ngặt các định mức về chi phí, trong thời gian qua Công ty thực hiện việc này rất tốt giúp tiết giảm chi phí cho Công ty. Nâng cao hiệu quả hoạt động văn phòng đại diện của Công ty tại Tp.HCM một mặt vừa tiết kiệm chi phí, mặt khác giúp Công ty thực hiện công tác quản lý tốt hơn khi mở rộng quy mô hoạt động phạm vi trong nước và quốc tế.

Đẩy mạnh hoạt động marketting với nhiệm vụ chính là duy trì quan hệ mua bán khách hàng cũ và tìm kiếm thêm các khách hàng mới. Các biện pháp mà Công ty sẽ chú trọng thời gian tới: tiếp thị trực tiếp; tham gia các hội thảo, hội nghị và hội chợ diễn ra trong và ngoài nước; tăng cường quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng như: truyền hình, báo, pano...

Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty, đặc biệt là tại các vị trí chủ chốt để đáp ứng thoả mãn yêu cầu công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn phát triển nhảy vọt. Đồng thời tăng cường công tác tuyển dụng thu hút nguồn nhân lực mới có chất lượng cao bổ sung.

Tổ chức thực hiện chiến lược tài chính, đa dạng hóa các kênh huy động vốn, phát triển nguồn vốn đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo cơ cấu vốn phù hợp phát huy tối đa hiệu quả sử dụng vốn.

b. Đối với Công ty Cổ phần thủy sản Bến Tre

Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu của Công ty, tập trung vào hai sản phẩm chính là nghêu và cá tra fillet thông qua hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, tham gia các hội nghị, hội

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

thảo... vừa mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác tiềm năng vừa giới thiệu sản phẩm của Công ty ra bên ngoài.

Đẩy mạnh công tác đầu tư nghiên cứu, tiếp tục cải tiến và áp dụng các giải pháp công nghệ mới nhằm hoàn thiện dây chuyền chế biến, kỹ thuật nuôi trồng, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm thiểu các chi phí. Đầu tư vào trang thiết bị, hệ thống kho lạnh, phân xưởng chế biến nghêu, xưởng sản xuất thức ăn tại trại cá đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng ISO, HACCP, MSC...

Nâng cao chất lượng nguồn nhân sự thông qua các kế hoạch đào tạo, tuyển dụng và bổ sung các nhân sự có trình độ vào các vị trí chủ chốt nhằm giúp Công ty có thể đạt các kế hoạch đã đề ra.

14.3 Định hướng phát triển

Mục tiêu của Công ty là " Trở thành nhà sản xuất giấy - bao bì giấy và hải sản mạnh Việt Nam, đưa hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển đa ngành, lấy mặt hàng giấy và thủy sản làm mục tiêu mũi nhọn. Đến năm 2020 trở thành doanh nghiệp lớn".

a. Về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Dohaco

Công ty sẽ tập trung vào hai thế mạnh là sản xuất giấy kraft và bao bì giấy carton.

Thực hiện mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao trình độ công nghệ và công suất hoạt động của các dây chuyền sản xuất đây là nhân tố quan trọng giúp cải thiện chất lượng và nâng cao sản lượng sản phẩn của Công ty.

Chú trọng đến hoạt động xuất khẩu sang các nước tiên tiến nhằm khai thác lợi thế về giá thành cạnh tranh nhưng chất lượng vẫn đáp ứng thõa mãn yêu cầu của các thị trường này.

Mở rộng quy mô thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. Đối với thị trường trong nước tập trung tại các khu vực trọng yếu như: ĐBSCL, miền Đông Nam Bộ và Tp.HCM, tiếp tục nâng cao thị phần tiêu thụ. Đối với thị trường nước ngoài: tiềm kiếm các thị trường tiềm năng tại khu vực Asean, EU và Úc...

b. Về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Beseaco

Tập trung vào hai sản phẩm chính là nghêu và cá tra fillet.

Thực hiện sản xuất khép kín từ vùng nguyên liệu – nuôi trồng – chế biến – thành phẩm giúp Công ty chủ động đầu vào và điều tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thực trạng bên ngoài.

Nâng cao và cải tiến chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo hệ thống HACCP, GAP, MSC và yêu cầu chất lượng của thị trường tiêu thụ.

Đầu tư vào các dây chuyền sản xuất kỹ thuật nuôi trồng, quy hoạch vùng nguyên liệu nhằm nâng cao công suất hoạt động, chất lượng sản phẩm.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Khai phá phát triển thị trường nội địa song song với thị trường xuất khẩu tạo thế chủ động cho công ty đối phó có hiệu quả khi thị trường thế giới diễn biến tiêu cực như những năm vừa qua nhằm giúp đưa hoạt động công ty ổn định bền vững.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV đã tiến hành thu nhập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Song song với việc tăng vốn điều lệ, lành mạnh hóa tình hình tài chính, chúng tôi cho rằng các kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty là hoàn toàn khả thi, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin và những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký phát hành

Không có

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty có thể gây ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

V. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN

1. Loại chứng khoán:

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá:

Mệnh giá: 10.000 đồng

3. Tổng số chứng khoán chào bán

Tổng số cổ phiếu phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung: 4.499.972 cổ phần *(Bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy hai cổ phần)*.

4. Giá dự kiến chào bán

Giá phát hành dự kiến : 10.000 đồng/cổ phần

5. Phương pháp tính giá

- Theo báo cáo tài chính 03 tháng đầu năm 2011, giá trị cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/03/2011 là:

$$\text{Giá trị cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{206.359.200.220}{14.999.908} = 13.787 \text{ đồng/cổ phần}$$

- Giá giao dịch bình quân trong 15 phiên liên tục từ ngày 25/4/2011 đến 17/5/2011 là 10.107 đồng/cổ phần

Với những căn cứ trên, đồng thời căn cứ vào mức tăng trưởng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ khi cổ phần hóa đến nay, Công ty cho rằng giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu là mức giá hợp lý.

6. Phương thức phân phối

Ngày 31/3/2011, Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên. Tại Đại hội đã thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ Công ty từ 149.999.080.000 đồng lên 194.998.800.000 đồng (theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua ngày 31/03/2011). Cụ thể:

- Tổng số chứng khoán dự kiến chào bán: **4.499.972 cổ phần**
- Tỷ lệ chứng khoán đăng ký chào bán trên số vốn cổ phần hiện hữu: **30%**
- Tổng giá trị cổ phần dự kiến chào bán tính theo mệnh giá: **44.999.720.000 đồng** *(bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)*

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

- Đối tượng phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền.
- Tỷ lệ chào bán: 10:3. Cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu được quyền mua thêm 03 cổ phiếu mới theo giá chào bán. Số cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu được tính tròn xuống đến hàng đơn vị. Người sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền mua 01 lần, người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho bên thứ 03.
- Giá chào bán cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành thêm: **44.999.720.000 đồng**

Số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu nếu không được đăng ký mua hết và số cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ được ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục phân phối cho các nhà đầu tư khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

7. Thời gian phân phối

Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- ***Công bố thông tin***

Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu có hiệu lực, Công ty sẽ công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán về:

- Việc phát hành thêm trên;
- Ngày chốt danh sách cổ đông;
- Ngày giao dịch không hưởng quyền;
- Ngày thực hiện quyền

- ***Xác nhận danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu***

Công ty Dohaco sẽ phối hợp với TTLKCK Tp.HCM và Sở GDCK Tp.HCM để xác định danh sách cổ đông có quyền mua thêm cổ phiếu mới trong vòng 10 ngày kể từ ngày công bố thông tin.

Thực hiện quyền mua cổ phiếu:

- Công ty Dohaco phối hợp với TTLKCK Tp.HCM phân bổ và thông báo quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu thông qua các thành viên lưu ký. Trường

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty Dohaco có trách nhiệm thông báo và phân bổ quyền trực tiếp đến từng cổ đông.

- Đăng ký mua:

Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: đăng ký thực hiện quyền tại các thành viên lưu ký mà mình mở tài khoản và lưu ký chứng khoán.

Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: đăng ký thực hiện quyền tại trụ sở của Công ty Dohaco.

- ***Phương thức thanh toán***

Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- ***Báo cáo kết quả phát hành***

Trong vòng 10 ngày sau khi kết thúc việc phát hành, Công ty Dohaco sẽ lập báo cáo phát hành gửi UBCKNN.

- ***Niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành***

Sau khi UBCKNN chấp thuận kết quả phát hành, Công ty chứng khoán Woori CBV và Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký giao dịch và đăng ký lưu ký trong thời hạn một năm để cổ phiếu phát hành được chính thức giao dịch tại SGDCK Tp.Hồ Chí Minh.

9. Phương thức thực hiện quyền

Phát hành cho cổ đông theo danh sách được chốt theo tỷ lệ thực hiện quyền là 10:3. Có nghĩa là mỗi cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách cổ đông sở hữu 01 cổ phần thì được 01 quyền mua, với 10 quyền mua sẽ được mua 3 cổ phần mới. Cổ đông đăng ký thực hiện quyền theo thời gian công bố thông tin.

Trong thời gian 15 ngày để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có nhu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 05 ngày làm việc so với hạn cuối nộp tiền thực hiện quyền mua cổ phần. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại thành viên lưu ký với thủ tục cụ thể như sau:

- Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua chứng khoán được thực hiện tại các thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền.
- Thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền kiểm tra việc sở hữu quyền của người chuyển nhượng quyền và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu.
- Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thuộc cùng một thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký sẽ xác nhận việc chuyển nhượng quyền

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

mua cổ phần cho bên nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua cổ phần mới phát hành thêm.

- Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng khác thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng lập và gửi TTLKCK Tp.HCM yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán. Sau khi TTLKCK Tp.HCM xác nhận việc nhận chuyển nhượng (trong vòng 01 ngày làm việc) và gửi cho các thành viên lưu ký có liên quan ,căn cứ vào thông báo của TTLKCK Tp.HCM, thành viên lưu ký bên nhận chuyển nhượng gửi xác nhận quyền mua chứng khoán cho cổ đông nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.
- Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng quyền cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại trụ sở Công ty Dohaco.

Số cổ phiếu không được cổ đông hiện hữu đặt mua hết theo phương thức thực hiện quyền mua (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các đối tác khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Nếu quá 20 ngày kể từ ngày quyền mua cổ phần có hiệu lực mà cổ đông đó không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phần mới mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của Dohaco.

10. Nguyên tắc làm tròn cổ phiếu lẻ

Số cổ phiếu được mua của từng cổ đông được tính đến số nguyên, phần lẻ chưa đủ để mua một cổ phiếu thì không được làm tròn lên.

Ví dụ: Cổ đông đang sở hữu 07 cổ phiếu cũ sẽ được quyền mua thêm 2,1 cổ phần mới, khi đó số cổ phần được làm tròn là 02 cổ phần.

Số cổ phiếu lẻ còn thừa do làm tròn sẽ được Hội đồng quản trị Công ty chào bán cho đối tượng có nhu cầu trên nguyên tắc không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong đó quy định tổ chức, cá nhân người nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty đại chúng.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Không có

13. Các loại thuế có liên quan

13.1 Thuế liên quan đến tổ chức phát hành

- Thuế GTGT: phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ, thuế suất 5% và 10%
- Thuế xuất khẩu: Căn cứ Quyết định 103/1998/QĐ-BTC ngày 06/02/1998 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ dung tên và thuế suất của một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu; Căn cứ Mục III, Điểm 4, Khoản 4.2 của Thông ty 85/2003/TT-BTC ngày 29/08/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện phân loại hàng hóa theo danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, biểu thuế xuất khẩu, các mặt hàng của Công ty được hưởng thuế suất thuế xuất khẩu là 0%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty áp dụng theo tỷ lệ 25% và không được hưởng chế độ ưu đãi.
- Các loại thuế khác (thuế môn bài, thuế thuê đất,...) Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật.

13.2 Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thì:

- Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức, cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).
- Mức thuế suất đối với từng loại như sau:
  - Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức, cổ tức): 5%.
  - Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán): 0,1% và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
- Kỳ tính thuế:
  - Đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
  - Đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

  Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

- Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

  Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng * 0,1%.

14. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên ngân hàng: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Bến Tre.
- Số tài khoản: 72110000102381.
- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- Địa chỉ: Số 21 Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

VI. MỤC ĐÍCH CỦA ĐỢT PHÁT HÀNH

Căn cứ vào Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre vào ngày 31 tháng 3 năm 2011 đã thông qua kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ nhằm mục đích: Bổ sung vốn lưu động, tái cấu trúc cơ cấu vốn tự có và vốn vay đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty

Theo tính toán của Hội đồng quản trị, năm 2011 Công ty cần một nguồn vốn từ 45-50 tỷ để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế như hiện nay, lãi suất cho vay sản xuất của các ngân hàng thương mại là rất cao, Công ty không thể vay với lãi suất này để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, vì sẽ làm chi phí tài chính Công ty tăng lên rất nhiều dẫn tới giảm lợi nhuận. Vì vậy, để khắc phục khó khăn này nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định, ĐHĐCĐ quyết định thực hiện phát hành cổ phần cho cổ đông hiện

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

hữu để giúp Công ty chủ động hơn về nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, không phải chi trả những khoản chi phí tài chính lớn do đi vay.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến là khoảng 44.999.720.000 đồng *(bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)* sẽ được sử dụng vào mục đích bổ sung vốn lưu động và cơ cấu lại nguồn vốn.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV (WOORI CBV)

Trụ sở : Số 14 Trần Bình Trọng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 39306310 - Fax: (84-4) 39410248

Chi nhánh HCM : 225 Bến Chương Dương, Quận I, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 39204339 Fax: (08) 39204349

Website : www.wooricbv.com

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASC)

Trụ sở : 29 Võ Thị Sáu, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 3820 5944 - Fax: (84-8) 3820 5942

Website : www.aascs.com.vn

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

IX. PHỤ LỤC

1.	**Phụ lục I**	**:** Hồ sơ pháp lý.
2.	**Phụ lục II**	**:** Điều lệ Tổ chức và Hoạt động.
3.	**Phụ lục III**	**:** Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2009, 2010 và báo cáo tài chính hợp nhất Quí I/2011.
4.	**Phụ lục IV**	**:** Báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán của Dohaco năm 2009, 2010 và báo cáo tài chính Quí I/2011.
5.	**Phụ lục V**	**:** Báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán của Beseaco năm 2009, 2010 và báo cáo tài chính Quí I/2011.
6.	**Phụ lục VI**	**:** Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2010.
7.	**Phụ lục VII**	**:** Sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

ĐIỀU LỆ CÔNG TY

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần (dưới đây gọi tắt là "công ty") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của công ty. Công ty cổ phần Đông Hải là công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp và theo quyết định số : 4278/QĐ-UB ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bến Tre "V/v chuyển nhà máy bao bì trực thuộc Công ty Đông lạnh Thủy sản xuất khẩu Bến Tre thành công ty cổ phần".

Điều lệ này, các qui định của công ty, các Nghị quyết của cổ đông và HĐQT nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những qui tắc và qui định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi cổ đông của công ty theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 31/3/2011.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa :

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại 0 của Điều lệ này.

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.

f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại 0 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY :

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty :

1. Tên Công ty
   - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
   - Tên tiếng Anh: DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BEN TRE
   - Tên viết tắt: DOHACO
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
   - Địa chỉ: Số 457C Nguyễn Đình Chiểu, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
   - Điện thoại: 075.3822288 - 075.3812093
   - Fax : 075.3827287
   - E-mail : donghaibt@hcm.vnn.vn
   - Website : www.dohacobentre.com
4. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, công ty con, xí nghiệp…. tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo điều 50 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY :

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty :

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là
   - Sản xuất: giấy, các sản phẩm bao bì từ giấy, các sản phẩm bao bì từ nhựa, các sản phẩm in ấn, văn hoá phẩm, chế biến các sản phẩm từ thủy hải sản nông sản.
   - Kinh doanh : nông sản, thủy hải sản chế biến, nguyên phụ liệu ngành giấy, sắt thép, máy móc thiết bị và kinh doanh vận tải hàng hóa.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là :

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động :

1. Công ty được phép kinh doanh trong nước và nước ngoài
2. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

3. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP :

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập :

1. Vốn điều lệ của Công ty là 149.999.080.000 VND (bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 14.999.908 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.

2. Cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu phải ghi rõ

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì**.**

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, những quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

a. Đại hội đồng cổ đông;
b. Hội đồng quản trị;
c. Tổng giám đốc;
d. Ban kiểm soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

b. Nhận cổ tức;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các 24.2 và 35.2;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Chịu trách nhiêm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

b. Báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán;

e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng ;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại 0.3 của Điều lệ này.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

trong só những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ toạ của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty

c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của Hội

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Điều kiện ứng cử vào thành viên HĐQT :
   a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo qui định tại Luật doanh nghiệp.
   b. Là cổ đông hoặc đại diện của cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ công ty trở lên hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty;
   c. Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên đề cử;

3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử

5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 2.000.000.000 đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;

b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 33.4a và Điều 33.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tuỳ từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là bốn năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Tiêu chuẩn là ứng cử viên Tổng Giám đốc :
   a. Có đủ hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp.
   b. Cá nhân là cổ đông hoặc không phải là cổ đông công ty nhưng phải là người có năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 31. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tuỳ từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Làm biên bản các cuộc họp;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Bankiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.2 và Điều 35.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. CAC TO CHÖC CHÍNH TRÒ – XA HOI

Ñieu 39. Cac to chöc chính trò – xa hoi

1. To chöc chính trò – xa hoi tai cong ty co phan Ñong Hai Ben Tre hoat ñong trong khuon kho Hien phap, phap luat va theo ñieu le cua to chöc mình phu hôp vôi qui ñònh cua phap luat.

2. Cong ty co phan Ñong Hai co nghóa vu ton trong, tao ñieu kien thuan lôi ñe ngöôi lao ñong tham gia hoat ñong trong cac to chöc chính trò tai khoan 1 ñieu nay.

XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Ñieu **40. Cổ tức**

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Ñieu 41. **Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Ñieu **42. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Ñieu **43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Ñieu **44. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm..

Ñieu **45. Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Ñieu 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Ñieu 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Ñieu 48. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVIII. CON DẤU

Ñieu 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Ñieu 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Ñieu 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Ñieu **52. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ñieu **53. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm [ba] thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Ñieu **54. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a. Cổ đông với Công ty; hoặc

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Ñieu 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty .

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Ñieu 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre nhất trí thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2007 tại Bến Tre và ñöôc chænh söa mot so ñieu theo nghò quyet Hoi ñong quan trò so 26 ban hanh ngay 08 thang 10 nam 2008; nghị quyết số 01 ngày 10 tháng 01 năm 2009 và theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 08/9/2009 của Hội đồng quản trị.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương

b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Uỷ ban nhân dân Tỉnh Bến Tre

c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Ñieu 57. Chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

CHU TÒCH HÑQT KIEM TONG GIAM ÑOC

(Đã ký)

ĐOÀN VĂN ĐẠO

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

MUC LUC

PHAN MÔ ÑAU …….3
I. ÑÒNH NGHÓA CAC THUAT NGÖ TRONG ÑIEU LE…… 3
Ñieu 1. Ñònh nghóa : …… ……3
II. TEN, HÌNH THÖC, TRU SÔ, CHI NHANH, VAN PHONG ÑAI DIEN VA THÔI HAN HOAT ÑONG CUA CONG TY……3
Ñieu 2. Ten, hình thöc, tru sô, chi nhanh, van phong ñai dien va thôi han hoat ñong cua Cong ty ……3
III. MUC TIEU, PHAM VI KINH DOANH VA HOAT ÑONG CUA CONG TY……..……4
Ñieu 3. Muc tieu hoat ñong cua Cong ty…… ……4
Ñieu 4. Pham vi kinh doanh va hoat ñong ……4
IV. VON ÑIEU LE, CO PHAN, CO ÑONG SANG LAP
Ñieu 5. Von ñieu le, co phan, co ñong sang lap…… ……..4
Ñieu 6. Co phieu …… ……...5
Ñieu 7. Chöng chæ chöng khoan khac……5
Ñieu 8. Chuyen nhöông co phan……5
Ñieu 9. Thu hoi co phan ……6
V. CÔ CAU TO CHÖC, QUAN LY VA KIEM SOAT…..……..6
Ñieu 10. Cô cau to chöc quan ly ……...……6
VI. CO ÑONG VA ÑAI HOI ÑONG CO ÑONG……..6
Ñieu 11. Quyen cua co ñong……..6
Ñieu 12. Nghóa vu cua co ñong……..……7
Ñieu 13. Ñai hoi ñong co ñong ……7
Ñieu 14. Quyen va nhiem vu cua Ñai hoi ñong co ñong……8
Ñieu 15. Cac ñai dien ñöôc uy quyen……...……9
Ñieu 16. Thay ñoi cac quyen ……9
Ñieu 17. Trieu tap Ñai hoi ñong co ñong, chöông trình hop, va thong bao hop Ñai hoi ñong co ñong ……..……10
Ñieu 18. Cac ñieu kien tien hanh hop Ñai hoi ñong co ñong……11
Ñieu 19. The thöc tien hanh hop va bieu quyet tai Ñai hoi ñong co ñong…11
Ñieu 20. Thong qua quyet ñònh cua Ñai hoi ñong co ñong……..12
Ñieu 21. Tham quyen va the thöc lay y kien co ñong bang van ban ñe thong qua quyet ñònh cua Ñai hoi ñong co ñong …..……13
Ñieu 22. Bien ban hop Ñai hoi ñong co ñong……14
Ñieu 23. Yeu cau huy bo quyet ñònh cua Ñai hoi ñong co ñong……..14
VII. HOI ÑONG QUAN TRÒ ……14
Ñieu 24. Thanh phan va nhiem ky cua thanh vien Hoi ñong quan trò……14
Ñieu 25. Quyen han va nhiem vu cua Hoi ñong quan trò ……15
Ñieu 26. Chu tòch, Pho Chu tòch Hoi ñong quan trò ……16

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Ñieu 27. Cac cuoc hop cua Hoi ñong quan trò……17
VIII. TONG GIAM ÑOC, CAN BO QUAN LY KHAC VA THÖ KY CONG TY……19
Ñieu 28. To chöc bo may quan ly ……19
Ñieu 29. Can bo quan ly……..……..19
Ñieu 30. Bo nhiem, mien nhiem, nhiem vu va quyen han cua Tong giam ñoc……19
Ñieu 31. Thö ky Cong ty ……..……20
IX. NHIEM VU CUA THANH VIEN HOI ÑONG QUAN TRÒ, TONG GIAM ÑOC VA CAN BO QUAN LY ……21
Ñieu 32. Trach nhiem can trong cua Thanh vien Hoi ñong quan trò, Tong giam ñoc va can bo quan ly……21
Ñieu 33. Trach nhiem trung thöc va tranh cac xung ñot ve quyen lôi……21
Ñieu 34. Trach nhiem ve thiet hai va boi thöông……22
X. BAN KIEM SOAT……..……..22
Ñieu 35. Thanh vien Ban kiem soat……22
Ñieu 36. Ban kiem soat ……23
XI. QUYEN ÑIEU TRA SO SACH VA HO SÔ CONG TY ……...……23
Ñieu 37. Quyen ñieu tra so sach va ho sô……37
XII. CONG NHAN VIEN VA CONG ÑOAN……24
Ñieu 38. Cong nhan vien va cong ñoan……..……..24
XIII. CAC TO CHÖC CHÍNH TRÒ XA HOI……24
Ñieu 39. Cac to chöc chính trò – xa hoi ……24
XIV. PHAN CHIA LÔI NHUAN ……24
Ñieu 40. Co töc ……24
Ñieu 41. Cac van ñe khac lien quan ñen phan phoi lôi nhuan……25
XV. TAI KHOAN NGAN HANG, QUY DÖ TRÖ, NAM TAI CHÍNH VA HE THONG KE TOAN ……25
Ñieu 42. Tai khoan ngan hang……25
Ñieu 43. Quy dö trö bo sung von ñieu le……..……25
Ñieu 44. Nam tai chính……..25
Ñieu 45. He thong ke toan……25
XVI. BAO CAO THÖÔNG NIEN, TRACH NHIEM CONG BO THONG TIN, THONG BAO RA CONG CHUNG……..25
Ñieu 46. Bao cac hang nam, sau thang va hang quy……25
Ñieu 47. Cong bo thong tin va thong bao ra cong chung……26
XVII. KIEM TOAN CONG TY ……26
Ñieu 48. Kiem toan ……26
XVIII. CON DAU ……..……26
Ñieu 49. Con dau ……..26
XIX. CHAM DÖT HOAT ÑONG VA THANH LY ……..26

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Ñieu 50. Cham döt hoat ñong ……..……..……..26
Ñieu 51. Tröông hôp be tac giöa cac thanh vien Hoi ñong quan trò va co ñong ……27
Ñieu 52. Gia han hoat ñong …….27
Ñieu 53. Thanh ly ……...……27
XX. GIAI QUYET TRANH CHAP NOI BO ……27
Ñieu 54. Giai quyet tranh chap noi bo……..……..27
XXI. BO SUNG VA SÖA ÑOI ÑIEU LE……28
Ñieu 55. Bo sung va söa ñoi Ñieu le……..……..28
XXII. NGAY HIEU LÖC ……..28
Ñieu 56. Ngay hieu löc ……..……28
Ñieu 57. Chö ky cua cac co ñong sang lap hoac ngöôi ñai dien theo phap luat cua Cong ty……..……28

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ	*Bến Tre, ngày 31 tháng 03 năm 2011*

NGHÒ QUYET
ÑAI HOI ÑONG CO ÑONG THƯỜNG NIN NAM 2011
Cong ty co phan Ñong Hai Ben Tre

Hom nay, ngay 31 thang 3 nam 2011, phien hop Ñai hoi ñong co ñong thöông nien nam 2011 cong ty co phan Ñong Hai Ben Tre (Ma chöng khoan : DHC) ñöôc to chöc.

Vao luc: 08 giô 30 phut ngay 31 thang 3 nam 2011 .

Ñòa ñiem : Khach san Ham Luong , so 200C, Ñöông Hung Vöông, Phöông 5, Thanh Pho Ben Tre, Tænh Ben Tre.

Tong so ñai bieu co ñong co mat va co ñong vang mat co uy quyen 142 co ñong, sô höu va ñai dien sô höu cho : 12.174.053 co phan , chiem 81,16%/von ñieu le.

Can cö Bien ban Ñai hoi co ñong so : 01/BB/ÑHÑCÑ ngay 31/3/2011, Ñai hoi co ñong thöông nien nam 2011 ña thong nhat:

QUYET NGHÒ:

ÑIEU 1. : Phe duyet:

1.1. Bao cao tong ket hoat ñong SXKD nam 2010, bao cao quyet toan tai chính nam 2010 ña kiem toan (Chi tiet ñính kem), theo ño:

a/. So lieu cong ty me (Dohaco):

Tong doanh thu: 193.802.202.863 ñong

Tong lôi nhuan sau thue: 25.635.933.451 ñong

b/. So lieu hôp nhat:

Tong doanh thu: 389.726.265.000 ñong

Lôi nhuan sau thue: 28.867.201.793 ñong

1.2. Bao cao ket qua hoat ñong nam 2010 va phöông höông nam 2011 cua Ban kiem soat (kem theo bao cao chi tiet)

1.3/. Bao cao tong ket thöc hien ñau tö döi an cua Ban quan ly döi an (So lieu ña kiem toan). Cu the:

Döi an Nha may Giay Giao Long (giai ñoan 1) : 220.355.171.053 ñong

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Dö an Nha may Bao bì so 2 : 48.385.996.895 ñong

Ty le bieu quyet ñong y: 100%

2. Ke hoach kinh doanh nam 2011(Kem theo dö thao ke hoach kinh doanh nam 2011 chi tiet), theo ño:

a/. Ke hoach kinh doanh nam 2011 rieng cong ty me (Dohaco)

Tong doanh thu: 369.600.000.000 ñong

Tong lôi nhuan sau thue: 28.186.196.476 ñong

b/. Ke hoach kinh doanh hôp nhat:

Tong doanh thu: 632.508.000.000 ñong

Tong lôi nhuan sau thue: 38.718.962.891 ñong

Ty le bieu quyet ñong y: 96,17%

3. Phan phoi lôi nhuan nam 2010:

Can cö ket qua kinh doanh ñat ñöôc nam 2010 ña ñöôc kiem toan, lôi nhuan sau thue chöa phan phoi hôp nhat la 28.391.701.179 ñong, trong ño Hoi ñong Quan trò ña tam trích tröôc quy khen thöông, phuc lôi trong nam 2010 : 200.000.000 ñong, tam öng co töc cho co ñong ñôt 1 nam 2010 la 6%/von ñieu le so tien : 8.999.944.800 ñong. So lôi nhuan sau thue chöa phan phoi theo bao cao hôp nhat con lai la:19.191.756.379 ñong. Thong nhat phan phoi lôi nhuan nhö sau:

3.1/.Trích lap quy dö phong : 1%/lôi nhuan sau thue 283.917.012 ñong

3.2/.Trích lap quy khen thöông, phuc lôi : 3%/ lôi nhuan sau thue :

851.751.035 ñong (Trong nam Hoi ñong Quan trò ña tam trích tröôc la 200.000.000 ñong), so con lai la: 651.751.035 ñong

3.3/. Chia co töc cho co ñong nam 2010 : 15%/von ñieu le bang tien mat 22.499.862.000 ñong (bao gom ña tam öng ñôt 1 nam 2010 cho co ñong la 6%, töông ñöông 8.999.944.800 ñong), so con phai chi tiep la 9%, töông ñöông 13.499.917.200 ñong.

3.4/. Chi thu lao cho HÑQT va Ban kiem soat: 1,5%/lôi nhuan sau thue 425.875.518 ñong

3.5/. Trích lap quy phat trien san xuat: 5%/lôi nhuan sau thue 1.419.585.059 ñong

Ty le bieu quyet ñong y: 100%

4. Ke hoach phan phoi lôi nhuan nam 2011:

Can cö vao ke hoach kinh doanh nam 2011, ñai hoi nhat trí ke hoach phan phoi lôi nhuan nam 2011 nhö sau:

4.1 Trích lap quy dö phong: : 1% lôi nhuan sau thue

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

4.2 Trích lap quy khen thöông, phuc lôi : 4% lôi nhuan sau thue

4.3 Chia co töc cho co ñong : 18%/von ñieu le

4.4 Chi thu lao cho HÑQT, BKS: : 2%/lôi nhuan sau thue

(Neu ñat lôi nhuan theo ke hoach thöông HÑQT& Ban ñieu hanh: 1%/ lôi nhuan sau thue; neu vöôt ke hoach thöông 10%/ so lôi nhuan vöôt)

4.5 Trích lap quy phat trien san xuat : 5%/lôi nhuan sau thue

Ty le bieu quyet ñong y: 100%, rieng ke hoach chia co töc cho co ñong ty le bieu quyet ñong y: 97,44%

5. Nhat trí uy quyen cho Hoi ñong Quan trò löa chon 01 trong 03 cong ty kiem toan döôi ñay ñe kiem toan tai khoa nam 2011:

5.1 Cong ty TNHH kiem toan tö van tai chính (DNP)

5.2 Cong ty TNHH dòch vu tö van tai chính ke toan va kiem toan phía Nam (AASCS)

5.3 Cong ty co phan kiem toan va tö van tai chính ke toan (AFC)

Ty le bieu quyet ñong y: 99,96%

6. Ñai hoi thong nhat bo sung söa ñoi ñieu le : Tai chöông IV, ñieu 5, khoan 1 söa ñoi von ñieu le tö 80.000.000.000 ñong len 149.999.080.000 ñong

Ty le bieu quyet ñong y: 99,96%

7. Nhat trí phe duyet Ong Ñoan Van Ñao - Chu tòch HÑQT kiem Tong Giam ñoc trong nam tai khoa 2011.

Ty le bieu quyet ñong y: 100%

8. Thong nhat phat hanh bo sung 4.499.972 co phieu tang von ñieu le theo phöông an nhö sau:

A. KE HOACH THÖC HIEN

Von ñieu le hien tai 149.999.080.000 đồng; töông ñöông 14.999.908 co phan.

Tình hình von ñieu le hien tai

TT	Khoản mục	So löông (cp)	Von ñieu le (ñong)
1	Cổ phiếu lưu hành	14.999.908	149.999.080.000
2	Cổ phiếu ngân quỹ	0	0
	Tổng cộng	14.999.908	149.999.080.000

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

I. Phương án phát hành bổ sung cổ phiếu :

Chao ban cho co ñong hien höu theo danh sach tai ngay chot danh sach co ñong ñöôc höông quyen:

- Ten chöng khoan: co phieu Cong ty co phan Ñong Hai Ben Tre
- Ma so chöng khoan: DHC
- Loai chöng khoan phat hanh : co phieu pho thong
- Menh gia : 10.000 ñong/co phieu
- Ty le phat hanh 10:3 (moi co ñong sô höu 1 co phan tai thôi ñiem chot danh sach co ñong se co 01 quyen mua, cö 10 quyen mua, ñöôc mua them 03 co phan môi phat hanh them)
- Nguyen tac lam tron : So co phieu ñöôc mua cua töng co ñong ñöôc tính ñen so nguyen, phan le chöa ñu ñe mua 01 co phieu se khong ñöôc lam tron len.
- Ví du : Co ñong nam giö 07 co phan cu ñöôc mua 2,1 co phan môi se ñöôc lam tron xuong la 02 co phan
- Khoi löông phat hanh dö kien: 4.499.972 cổ phần
- Gia phat hanh: bang menh gia (10.000 ñong/co phieu)
- Ñoi töông phat hanh : phat hanh cho co ñong hien höu theo danh sach tai thôi ñiem chot danh sach co ñong ñöôc höông quyen
- Phöông an xö ly co phieu khong ñat mua het va co phieu le : Cổ phiếu khong ñöôc ñat mua het va so co phieu le (nếu co) sẽ được uy quyen cho Hội đồng Quản trị tiep tuc phn phối cho cac nha ñau tö khac theo cch thức v điều kiện ph hợp với gi chao bn khong thap hôn gia chao ban cho co ñong hien höu
- Tong so von thu ve sau ñôt phat hanh dö kien: 44.999.720.000 ñong
- Tong von ñieu le sau ñôt phat hanh dö kien : 194.998.800.000 đồng
- Thời gian thực hiện: Ngay sau khi ñöôc sö chap thuan của Uy Ban Chöng Khoan Nha Nöôc.

II. Muc ñích sö dung von cua ñôt phat hanh :

Bo sung von löu ñong, tai cau truc cơ cấu vốn tö co va von vay ñap öng nhu cau mở rộng sản xuất kinh doanh của Cong ty.

III. Kế hoạch niem yet bo sung **cổ phiếu của** ñôt phat hanh them**:**

Hoi ñong quan trò tien hanh lap thu tuc niem yet bo sung co phieu phat hanh them

(cham nhat trong vong 12 thang) ngay sau khi hoan tat ñôt phat hanh.

B. LỊCH TRÌNH TRIEN KHAI THÖC HIEN PHAT HANH THEM CO PHIEU

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Dự kiến lịch trình trien khai thöc hien phat hanh them co phieu nhö sau:

Thöc hien trình ñai hoi co ñong thöông nien nam 2011 phe duyet phöông an phat hanh them co phieu bo sung tang von ñieu le dö kien trong thang 3/2011.

Lap ho sô thu tuc xin giay phep phat hanh co phieu môi len Uy Ban Chöng Khoan Nha Nöôc tö thang 4/2011.

Thöc hien chao ban co phieu: ngay sau khi co giay phep cua Ủy Ban Chöng Khoan Nha Nöôc.

Tổng kết đợt chào bán co phieu: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ket thuc phan phoi co phieu.

C. CAC VAN ÑE KHAC

Nhất trí ủy quyền cho Hội Đồng Quản trị lap phöông an phat hanh chi tiet (chọn thời ñiem thích hợp ñe trien khai phöông an phat hanh, gia phat hanh, gia bao lanh phat hanh, ñôn vö tö van, ñôn vö bao lanh phat hanh (neu co), khoi löông phat hanh, ñoi töông phat hanh, phöông thöc phat hanh, v.v… co lôi nhat cho co ñong), trien khai phöông an phat hanh va thöc hien cac cong viec lien quan khac ñe hoan thanh ñôt phat hanh theo phöông an neu tren. Ñong thời uy quyen cho Hoi ñong quan trö thöc hien cac thu tuc lien quan ñang ky niem yet bo sung co phieu phat hanh them (cham nhat trong vong 12 thang) sau khi ñôt phat hanh ket thuc.

Ty le bieu quyet ñong y: 99,62 %

Ñieu 2.

Nghö quyet Ñai hoi ñong co ñong thöông nien nam 2011 cong ty co phan Ñong Hai Ben Tre ñöôc cac co ñong tham dö Ñai hoi nhat trí thong qua vao luc 13 giô 30 phut cung ngay .

Giao Hoi Ñong Quan Trö to chöc trien khai thöc hien Nghö Quyet va cong bo thong tin theo qui che hien hanh .

ÑAI HOI ÑONG CO ÑONG THÖÔNG NIEN NAM 2011
Cong ty co phan Ñong Hai Ben Tre

THÖ KY ÑAI HOI	CHU TOA
(Đã ký)	**(Đã ký)**
Lê Xuân Hoàng Nguyễn Thị Trầm	**Đoàn Văn Đạo**

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 07/NQ-HĐQT	*Bến Tre, ngày 26 tháng 05 năm 2011*

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua hồ sơ phát hành cổ phần ra công chúng tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

---

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh Nghiệp;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Thông tư số 17/2007/TT-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng;
- Căn cứ Thông tư số 112 /2008/TT-BTC ngày 26/11/2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 17/ 2007/TT-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre;
- Căn cứ Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/3/2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre về việc thông qua Phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty năm 2011.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Nhất trí thông qua Hồ sơ phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Điều 2: Giao cho Ông Đoàn Văn Đạo - Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện việc phát hành cổ phần tăng vốn của Công ty năm 2011 theo đúng Luật định.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký

Cuộc họp được tiến hành dưới sự tham dự của tất cả thành viên Hội đồng quản trị theo danh sách dưới đây:

CHỦ TỊCH HĐQT	**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT**
(Đã ký)	**(Đã ký)**
ĐOÀN VĂN ĐẠO	**LÊ BÁ PHƯƠNG**

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

(Đã ký)	**(Đã ký)**	**(Đã ký)**
NGUYỄN VĂN LY	**LÊ QUANG HIỆP**	**LŨ TẤN NINH**

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên Ban kiểm soát;
- Lưu HĐQT.

PDF created with pdfFactory Pro trial version www.pdffactory.com